

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ HOÀN

**KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN
TRONG VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: LUẬT KINH TẾ

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Trung Tín

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn Thạc sĩ Luật học: ***“Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong vụ án kinh doanh thương mại từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*** là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Nguyễn Trung Tín. Số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn là hoàn toàn trung thực, không trùng lặp với các đề tài nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong Luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này./.

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2016

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Hoàn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa học và Luận văn Thạc sĩ của mình, trước hết em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban Giám đốc, các khoa, phòng, thầy cô giáo của Học viện Khoa học Xã hội đã nhiệt tình truyền đạt những kiến thức quý báu cho em trong suốt quá trình học tập và hoàn thành Luận văn Thạc sĩ với đề tài:

“Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong vụ án kinh doanh thương mại từ thực tiễn thành phố Hà Nội”.

Em xin trân trọng cảm ơn PGS.TS. Nguyễn Trung Tín - thầy hướng dẫn khoa học, đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành Luận văn này.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã động viên, khuyến khích, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHV	: Chấp hành viên
KDTM	: Kinh doanh thương mại
QSD	: Quyền sử dụng
THA	: Thi hành án
THADS	: Thi hành án dân sự

DANH MỤC CÁC BẢNG

2.1	Bảng số liệu tổng số vụ kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số vụ THA KDTM trong giai đoạn năm 2013-2015 tại Hà Nội	48
2.2	Bảng số liệu tổng số vụ kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số vụ cưỡng chế THA KDTM trong giai đoạn năm 2013-2015 tại Hà Nội.	49
2.3	Bảng số liệu về tổng số tiền kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số tiền cưỡng chế THA KDTM giai đoạn năm 2013-2015 tại Hà Nội.	50

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN TRONG VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI.....	6
1.1.Khái niệm biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại	6
1.2.Đặc điểm của biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại.....	11
1.3. Vai trò, ý nghĩa của biện pháp kê biên, xử lý tài sản	15
1.4. Các yếu tố bảo đảm hiệu quả hoạt động kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại.....	18
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRONG THI HÀNH ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	25
2.1. Nội dung các quy định pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại.....	25
2.2. Những đặc điểm về kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội tác động trực tiếp đến việc kê biên, xử lý tài sản Thi hành án kinh doanh thương mại	45
2.3. Những kết quả đạt được trong công tác kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại.....	48
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI.....	66
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại	66
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại.....	68
3.3. Nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án Kinh doanh thương mại trên thực tế	71
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay, các hoạt động kinh doanh thương mại (KDTM) diễn ra ngày càng đa dạng và phát triển. Do đó, việc xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý vừa thông thoáng, vừa chặt chẽ để các chủ thể kinh doanh hoạt động thuận lợi đồng thời các cơ quan Nhà nước dễ dàng quản lý đã trở thành một yêu cầu cấp thiết. Trong đó cũng đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự (THADS) nói chung và thi hành án KDTM nói riêng. THADS là hoạt động đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh được chấp hành, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân, bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính vì vậy, Điều 106 Hiến pháp năm 2013 quy định “ *Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”.

Với việc thông qua Luật THADS 2008 và các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực THADS đã thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đánh dấu mốc lịch sử quan trọng đối với công tác THADS ở nước ta, tạo sự chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả khả quan và góp phần giữ vững ổn định chính trị, an toàn xã hội; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân.

Trong quá trình THADS, các bên đương sự có quyền tự định đoạt, thỏa thuận với nhau nhằm thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng khi người phải thi hành án đã được giải thích, thuyết phục, mặc dù có điều kiện thi hành án mà tìm mọi cách trì hoãn, trốn tránh nghĩa vụ, không tự nguyện thi hành thì buộc cơ quan thi hành án phải tổ chức cưỡng chế để thi hành án. Tuy nhiên, trong thời gian qua, thực tiễn áp dụng Luật THADS và các văn bản quy

phạm pháp luật liên quan về thi hành án, nhất là trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế THADS nói chung và kê biên, xử lý tài sản nói riêng đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc do nhiều nguyên nhân khác nhau gây cản trở cho việc hành thi hành án và tạo ra nhiều dư luận, gây bức xúc trong xã hội. Trong các biện pháp cưỡng chế THADS theo Luật THADS được sửa đổi bổ sung năm 2014, biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản vẫn còn có nhiều vướng mắc khi thi hành, đặc biệt là trong lĩnh vực THA KDTM.

Vấn đề cần đặt ra là việc tìm hiểu, phân tích biện pháp kê biên, xử lý tài sản để THA KDTM nhằm làm sáng tỏ bản chất pháp lý, chỉ ra những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Từ đó đưa ra những đề xuất, giải pháp đảm bảo hiệu quả của biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án là cần thiết, góp phần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về THADS và nâng cao hiệu quả THADS trong thực tiễn, tạo tiền đề cho hoạt động KDTM được phát triển. Vì vậy, tác giả đã mạnh dạn chọn đề tài: **“Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong vụ án kinh doanh thương mại từ thực tiễn thành phố Hà Nội”** làm đề tài luận văn thạc sĩ cho mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

THADS trong đó, hoạt động THA KDTM là một lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động kê biên, xử lý tài sản của người phải THA trong lĩnh vực này càng khó khăn, phức tạp hơn. Trước những đòi hỏi khách quan của việc hoàn thiện công tác THA KDTM, đã có khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này như:

- Đề tài: *“Cưỡng chế thi hành án dân sự, những vấn đề lý luận và thực tiễn”* khoá luận tốt nghiệp của tác giả Dương Thu Hương, năm 2010.

- Đề tài: *“Biện pháp cưỡng chế, kê biên tài sản trong thi hành án dân sự”* luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thanh Phong, năm 2011.

- Đề tài: *“Cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* khoá luận tốt nghiệp của tác giả Trương Minh Anh, năm 2012.

Các công trình trên đã có nội dung nghiên cứu xoay quanh các biện pháp

cường chế tài sản THADS ở những góc độ, khía cạnh khác nhau. Ở một số công trình cũng đề cập đến vấn đề kê biên tài sản THA nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách chuyên sâu về biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải THA trong lĩnh vực KDTM. Đặc biệt là, kể từ khi Luật THA được sửa đổi bổ sung cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về lĩnh vực kê biên, xử lý tài sản THA mà phạm vi khoanh vùng lại là THA KDTM gắn với thực tiễn thực hiện tại địa bàn thành phố Hà Nội. Vì vậy, dựa trên tình hình thực tế công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM tại Hà Nội, trên cơ sở tham khảo những tài liệu nghiên cứu nêu trên, tác giả hoàn thiện đề tài “Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại thực tiễn tại thành phố Hà Nội” của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài: trên cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản người phải THA KDTM trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm tìm ra các luận cứ khoa học và thực tiễn những bất cập trong quy định của pháp luật về biện pháp kê biên, xử lý tài sản THA KDTM để đưa ra những đề xuất, hướng giải quyết nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả công tác THA KDTM trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng và Ngành THADS nói chung.

Nhiệm vụ nghiên cứu được xác định trên những khía cạnh sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận về biện pháp kê biên, xử lý tài sản THADS, cụ thể hơn là những vấn đề chung về biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải THA trong vụ án KDTM.
- Đánh giá toàn diện thực trạng pháp luật về kê biên, xử lý tài sản của người phải THA trong vụ án KDTM, trên cơ sở so sánh với quy định của pháp luật trước đó, đồng thời phân tích những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng gắn với thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Tìm ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật kê biên, xử lý tài sản THA KDTM tại Hà Nội, từ đó hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự nói chung trên phạm vi cả nước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: là những vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật về biện pháp kê biên, xử lý tài sản THA KDTM và thực trạng áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản trong hoạt động THA KDTM qua thực tiễn thành phố Hà Nội hiện nay. Tuy vậy, do giới hạn của một luận văn, việc nghiên cứu chỉ tập trung vào những vấn đề cơ bản nhất như khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, của biện pháp kê biên, xử lý tài sản THA KDTM; nội dung các quy định của Luật THADS về biện pháp kê biên, xử lý tài sản THA KDTM và thực tiễn áp dụng biện pháp này.

Phạm vi nghiên cứu về không gian: tập trung nghiên cứu nội dung các quy định của Luật THADS về biện kê biên, xử lý tài sản THADS và thực tiễn áp dụng trong phạm vi hoạt động của cơ quan THADS trên địa bàn Hà Nội gồm Cục THADS thành phố Hà Nội và 30 Chi cục THADS các quận, huyện, thị xã trực thuộc, không đề cập đến cơ quan THADS thuộc Bộ Quốc phòng và Phòng THADS quân khu Thủ đô.

Phạm vi nghiên cứu về thời gian: Khóa luận nghiên cứu thực tiễn thực hiện biện pháp kê biên, xử lý tài sản THADS theo quy định của Luật THADS năm 2008 từ năm 2012 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận văn vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, hệ thống các quan điểm, học thuyết Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, lý thuyết hệ thống, quy nạp, diễn dịch, logic, lịch sử...

Các phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu được sử dụng kết hợp với nhau. Đồng thời, công trình nghiên cứu cũng kế thừa, phát triển các kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến nội dung đề tài nhằm làm rõ nội dung cơ bản của đề tài, bảo đảm tính khoa học và logic giữa các vấn đề chính của công trình nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về lý luận: luận văn góp phần làm rõ thêm khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nội dung của biện pháp kê biên, xử lý tài sản THA KDTM và cơ sở của việc quy định biện pháp này; luận văn đã phân tích, đánh giá đúng thực trạng các quy định của Luật THADS về kê biên tài sản THA KDTM và thực tiễn áp dụng quy định về kê biên, xử lý tài sản thực hiện ở thành phố Hà Nội.

Về thực tiễn: từ những phân tích, đánh giá thực trạng, luận văn đề xuất được những kiến nghị, giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản THA KDTM và kinh nghiệm vận dụng những kiến nghị, giải pháp cụ thể đó vào thực tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác THA KDTM tại thành phố Hà Nội nói riêng cũng như trong công tác THADS nói chung tại các địa phương trong cả nước.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 03 chương với các nội dung cơ bản:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong vụ án KDTM.

Chương 2. Nội dung các quy định pháp luật hiện hành về kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong KDTM và thực tiễn áp dụng trong thi hành án trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Chương 3. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN TRONG VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1.1. Khái niệm biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

1.1.1. Khái niệm người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Thi hành án được hiểu là việc đưa các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để thi hành trên thực tế. Hoạt động thi hành án một mặt bảo đảm việc thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước, mặt khác là công cụ hữu hiệu để khôi phục lại các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân khi bị xâm hại.

Theo khoản 3 Điều 3 Luật thi hành án “người phải thi hành án là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành”. [36,tr.8]

Người phải thi hành án KDTM là người phải thực hiện nghĩa vụ trong các bản án, quyết định trong lĩnh vực KDTM.

THA KDTM cũng là một bộ phận của THA DS, mang những đặc điểm, tính chất của THADS. Nhìn chung vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau về THADS, nhìn chung THADS là một hoạt động hành chính – tư pháp mang tính quyền lực nhà nước, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định, thông qua đó bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền được thi hành trên thực tế.

Thi hành án dân sự là một giai đoạn kế tiếp sau giai đoạn xét xử, có mối quan hệ mật thiết, đan xen với các giai đoạn tố tụng tại Tòa án trước đó. Giai đoạn THADS có thể bắt đầu ngay từ khi việc xét xử vụ án chưa kết thúc như việc thi hành các quyết định khẩn cấp tạm thời của Tòa án (Điều 130 Luật THADS) hoặc những bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay như bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần,

nhận người lao động trở lại làm việc mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị (khoản 2 Điều 2 Luật THADS). Các cơ quan, tổ chức, công dân, trong phạm vi trách nhiệm của mình có nghĩa vụ chấp hành và phối hợp thực hiện để THADS đạt hiệu quả.

Trong phạm vi điều chỉnh của Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 sửa đổi 2014 (Luật thi hành án dân sự) yếu tố "kinh doanh thương mại" chưa được thể hiện rõ (ngoài đối tượng là quyết định của trọng tài thương mại). Tuy nhiên, án KDTM là loại án có vị trí quan trọng trong lĩnh vực thi hành án, xuất phát từ tính chất và giá trị cần được thi hành án. Để xác định yếu tố "kinh doanh thương mại" cần xem xét các quy định của pháp luật liên quan.

Theo Khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại 2005 "*hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi nhuận, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*"[30]. Ngày nay xã hội ngày càng phát triển thì các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi nhuận càng nhiều, các hoạt động kinh doanh thương mại ngày càng đa dạng và phong phú, cũng vì vậy các tranh chấp, các vụ việc liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại xảy ra nhiều hơn.

Theo Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 [28], những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án gồm có:

(1) Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, bao gồm: (i) Mua bán hàng hoá; (ii) Cung ứng dịch vụ; (iii) Phân phối; (iv) Đại diện, đại lý; (v) Ký gửi; (vi) Thuê, cho thuê, thuê mua; (vii) Xây dựng; (viii) Tư vấn, kỹ thuật; (ix) Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa; (x) Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường hàng không, đường biển; (xi) Mua bán cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; (xii) Đầu tư, tài chính, ngân hàng; (xiii) Bảo hiểm; (xiv) Thăm dò, khai thác;

(2) Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận;

(3) Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty;

(4) Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại mà pháp luật có quy định.

Bên cạnh đó, Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 cũng quy định những yêu cầu về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bao gồm:

(1) Yêu cầu liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết các vụ tranh chấp theo quy định của pháp luật về Trọng tài thương mại;

(2) Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam;

(3) Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định kinh doanh, thương mại của Trọng tài nước ngoài;

(4) Các yêu cầu khác về kinh doanh, thương mại mà pháp luật có quy định.

Cần hiểu rằng bản án, quyết định dân sự được đề cập trong Luật thi hành án dân sự là bao hàm cả bản án, quyết định về kinh doanh, thương mại. Do tính chất tương đồng giữa vụ án và việc dân sự với vụ án và việc kinh doanh, thương mại nên pháp luật THADS không tách bạch giữa pháp luật THADS với pháp luật THA KDTM. Những quy định của pháp luật THADS cũng chính là các quy định của pháp luật THA KDTM. Do đó, không tồn tại một hệ thống pháp luật THA KDTM chuyên biệt, độc lập so với hệ thống pháp luật thi hành án dân sự nói chung.

Như vậy, thi hành án kinh doanh thương mại là hoạt động hành chính - tư pháp, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm bảo đảm thi hành phần tài sản, lợi ích của các bên trong bản án, quyết định của Tòa án trong vụ án kinh doanh thương mại.

Từ các khái niệm liên quan, ta có thể hiểu kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM là biện pháp cưỡng chế THA, theo đó, CHV ghi lại lần lượt tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản của người phải thi hành án

KDTM làm cơ sở cho việc tiến hành giải quyết tài sản đã kê biên (như định giá, bán tài sản...) nhằm thi hành nghĩa vụ trả tiền của người phải thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định khác về KDTM theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Khái niệm biện pháp kê biên tài sản:

Hiện nay, Luật THADS 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 không quy định khái niệm thế nào là kê biên tài sản, mà chỉ liệt kê các tài sản kê biên trong thi hành án. Trong các từ điển khác nhau hiện có rất nhiều cách hiểu và giải thích khác nhau về khái niệm cưỡng chế “kê biên tài sản”.

Trong Từ điển tiếng Việt thông dụng của Nhà xuất bản Giáo dục năm 1996 đã định nghĩa từ “kê” là “viết lần lượt từng tên, từng thứ một”, và từ “biên” là “ghi, chép lại”. Theo đó, có thể hiểu “kê biên” là từ ghép Hán – Việt được hiểu là ghi lại lần lượt từng tên, từng thứ một. Điều 163 Bộ Luật dân sự năm 2005 quy định “Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”. Như vậy, lắp ghép các cụm từ lại với nhau thì kê biên tài sản là việc ghi lại lần lượt từng tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.

Trong Từ điển giải thích luật học của trường Đại học Luật Hà Nội năm 1999 có định nghĩa “Kê biên tài sản là việc ghi lại từng tài sản, cấm việc tẩu tán, phá hủy để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án”.

Về phương diện pháp lý, thì biện pháp kê biên cùng với xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ là một trong những biện pháp cưỡng chế được quy định tại Điều 71 Luật THADS. Đây là biện pháp cưỡng chế được áp dụng phổ biến nhất trong các biện pháp cưỡng chế thi hành án [36,tr.82]. Biện pháp này gồm ba giai đoạn kế tiếp nhau, đó là giai đoạn kê biên tài sản, định giá tài sản và bán tài sản đã kê biên. Thực tế, hoạt động kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án rất phức tạp, đòi hỏi CHV phải nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật về THADS và các quy định pháp luật có liên quan như: Pháp luật doanh nghiệp, thương mại, dân sự, đất đai, nhà ở....nhằm hạn chế các sai sót trong quá trình tác nghiệp.

Như vậy, biện pháp kê biên tài sản trong THA KDTM được hiểu là việc CHV ghi lại lần lượt tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản của người phải thi hành án KDTM làm cơ sở cho việc xử lý tài sản đã kê biên nhằm thi hành nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định khác theo quy định của pháp luật được áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không tự nguyện thi hành trong thời hạn do pháp luật quy định hoặc trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi hủy hoại, tẩu tán hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Như vậy, kê biên tài sản THA KDTM chính là việc hạn chế quyền định đoạt về tài sản của người phải THA KDTM nhằm bảo đảm hoạt động THA.

1.1.3. Khái niệm biện pháp xử lý tài sản thi hành án của người phải thi hành án

Khác với khái niệm kê biên, mặc dù không được ghi nhận trong Luật thi hành án như thế nào nhưng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, được hiểu rộng rãi qua quy định tại các điều luật. Riêng khái niệm xử lý, không được Luật thi hành án ghi nhận cụ thể là như thế nào mà chỉ được hiểu qua các hoạt động của cơ quan thi hành án, mà hoạt động bán đấu giá là một biện pháp xử lý điển hình.

Theo từ điển Tiếng Việt “xử lý” có nghĩa là cách thức, phương pháp giải quyết theo một trình tự nhất định sao cho hợp lý, đây cũng là cách hiểu phổ biến tồn tại hiện nay. Xét ở góc độ pháp lý, “xử lý” là biện pháp giải quyết, tiến hành của cơ quan có thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm, không đúng quy định của người vi phạm.

Thực tế, trong các văn bản pháp luật, khái niệm kê biên và xử lý tài sản luôn đi kèm với nhau. Theo đó, kê biên là giai đoạn đầu tiên làm tiền đề, cơ sở cho việc đưa ra xử lý, xem xét tài sản của người phải thi hành án. Các hoạt động khi tiến hành xử lý tài sản thi hành án bao gồm bán tài sản thi hành án thông qua đấu giá hoặc không đấu giá, giao tài sản thi hành án cho người được thi hành án, hoặc trả lại tài sản đó cho người phải thi hành án.

Như vậy, “xử lý” tài sản là việc cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết vấn đề tài sản của người có hành vi vi phạm theo một trình tự nhất định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể.

Một khái niệm nữa cần được nghiên cứu trong đề tài này, là khái niệm tài sản của người phải thi hành án. Khái niệm tài sản đã được nêu cụ thể tại Điều 163 Bộ Luật Dân sự, tuy nhiên, không phải mọi tài sản thi hành án đều là tài sản của người phải thi hành án, mà tài sản đó có thể là của người thứ ba, người bảo lãnh, thế chấp [28] trong đề tài này tác giả không phân tích toàn bộ tài sản để thi hành án, mà chỉ đề cập đến tài sản của chính người phải thi hành án, còn những tài sản của người thứ ba, các tài sản không phải của người phải thi hành án thì không đề cập đến.

1.2. Đặc điểm của biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Vì biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải THA KDTM, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ là một trong những biện pháp cưỡng chế THADS nên kê biên, xử lý tài sản của người phải THA KDTM cũng có những đặc điểm chung của biện pháp cưỡng chế THADS như: Thể hiện quyền năng đặc biệt và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của Nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Được tiến hành theo trình tự nhất định; áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án đã hết thời gian tự nguyện thi hành; Người phải thi hành án bị cưỡng chế thi hành án ngoài bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định của Tòa án còn phải chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế thi hành án; Biện pháp cưỡng chế thi hành án không chỉ có hiệu lực với người phải thi hành án mà còn có hiệu lực đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án. Vì vậy, tác giả chỉ đi vào phân tích một số đặc điểm chung của biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.

1.2.1. Đặc điểm chung:

Thứ nhất, cưỡng chế, kê biên thi hành án thể hiện sức mạnh của bộ máy Nhà nước, được đảm bảo thực thi bằng quyền lực Nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Cưỡng chế thi hành án dân sự nói chung, kê biên, xử lý tài sản nói riêng là hoạt động thực hiện quyền lực Nhà nước, được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của Nhà nước. Khi một bản án, quyết định được đưa ra thi hành, người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án trong thời hạn được ấn định. Hết thời hạn đó, nếu người phải thi hành án vẫn không tự nguyện thi hành án bản án thì CHV sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án, tức là tước đi quyền tự định đoạt tài sản của người phải thi hành án. Quyền định đoạt là một trong những nội dung của quyền sở hữu. Chỉ có chủ sở hữu của ta mới được phép định đoạt tài sản. Những người không phải chủ sở hữu chỉ có quyền này khi được chủ sở hữu ủy quyền hoặc theo pháp luật quy định, nhưng phải phù hợp với ý chí, lợi ích của chủ sở hữu. Điều đó có nghĩa là: khi bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, người phải thi hành án sẽ bị mất đi quyền định đoạt tài sản do chính mình sở hữu; dù người phải thi hành án có muốn hay không, thì CHV vẫn sẽ tiến hành cưỡng chế theo luật định. Và nếu người phải thi hành án có hành vi chống đối, CHV có quyền dùng sức mạnh nhà nước (phạt hành chính, khởi tố vụ án hình sự) để bắt buộc người phải thi hành án tuân thủ và thi hành. Không chỉ có người phải thi hành án, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác cũng phải tôn trọng các bản án, quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước.

Thứ hai, hoạt động cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự phải tuân thủ những trình tự, thủ tục chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Khi tiến hành cưỡng chế, CHV phải tuân thủ các trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Xuất phát từ tính chất nhạy cảm, phức tạp, tầm quan trọng cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định hết sức chặt chẽ về điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tránh tình trạng cưỡng chế một cách bừa bãi, gây ảnh

hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân, gây mất lòng tin của nhân dân đối với cơ quan Nhà nước và ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội chung. Trình tự, thủ tục của hoạt động cưỡng chế gồm có xác minh điều kiện để thi hành án, ra quyết định kê biên, xử lý tài sản và tiến hành kê biên, xử lý tài sản. Việc tuân theo các trình tự này đảm bảo tính dân chủ, quyền lực thuộc về nhân dân, làm cho kết quả của hoạt động thi hành án dân sự là thực thi có hiệu quả các bản án quyết định của Tòa án. Sự vi phạm các nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành án dân sự được pháp luật quy định, trong đa số trường hợp, đều dẫn đến sai lầm trầm trọng, làm phức tạp quá trình thi hành án, gây tốn kém kinh phí, không kịp thời hoặc không bảo đảm được lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, dẫn đến khiếu kiện bức xúc, kéo dài. Mặt khác, do cơ quan thi hành án là một bộ phận trong bộ máy nhà nước nên hoạt động thi hành án trong một quá trình thi hành án đều phải tuân theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và điều đó chứng tỏ sự diễn biến và phát triển của hoạt động thi hành án dân sự chịu sự điều chỉnh chung của hệ thống pháp luật.

Thứ ba, Biện pháp cưỡng chế, kê biên tài sản chỉ được CHV áp dụng khi người phải thi hành án không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thi hành án, buộc người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ theo nội dung bản án, quyết định cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Luật thi hành án thì “người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án”[36,tr.15]. Với tinh thần đề cao sự dân chủ, tự nguyện của người phải thi hành án, pháp luật đã có quy định rõ ràng, chỉ đến khi hết thời gian tự nguyện thi hành, mà người phải thi hành án vẫn cố tình chây ỳ, không thực hiện trách nhiệm của mình, thì cơ quan thi hành án mới được phép áp dụng các biện pháp cưỡng chế, trong đó có kê biên, xử lý tài sản. Thẩm quyền áp dụng biện pháp này thuộc về CHV được phân công giải quyết vụ việc đó, nhằm đảm bảo việc sử dụng pháp luật một cách rõ ràng, tránh lạm quyền.

Ngoài các đặc điểm chung nêu trên, kê biên, xử lý tài sản trong THADS còn

có một số đặc điểm riêng, thể hiện nét đặc thù của biện pháp này.

1.2.2. Đặc điểm riêng của biện pháp kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại

Thứ nhất, kê biên, xử lý tài sản là biện pháp cưỡng chế được áp dụng nhằm tạo cơ sở để người phải thi hành án thi hành nghĩa vụ trả tiền.

Theo quy định của pháp luật, hiện nay có rất nhiều biện pháp cưỡng chế khác nhau, các biện pháp sẽ được áp dụng cho phù hợp với từng trường hợp phải thi hành án cụ thể.

Nghĩa vụ trả tiền của người phải thi hành án phát sinh khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản được áp dụng khi người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành liên quan đến tiền, người đó có điều kiện thi hành án nhưng lại cố tình không thực hiện trong thời gian tự nguyện thi hành án. Do đó, cơ quan thi hành án tiến hành việc kê biên nhằm liệt kê, xác định giá trị các tài sản hoặc cần ngăn chặn việc tẩu tán hủy hoại tài sản của người phải thi hành nghĩa vụ đối với người được thi hành án. Tuy nhiên, việc kê biên tài sản mới chỉ dừng ở việc hạn chế chế quyền của người phải thi hành hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Biện pháp xử lý thể hiện tính chất nghiêm khắc hơn khi cơ quan thi hành án, dựa trên kết quả của hoạt động kê biên để tiến hành bán tài sản, giao tài sản cho người được thi hành án... không phụ thuộc vào mong muốn, ý chí chủ quan của người phải thi hành án.

Thứ hai, đối tượng của biện pháp kê biên, xử lý tài sản là vật (động sản, bất động sản) hoặc các quyền tài sản khác.

Đối tượng của biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án khác với đối tượng của các biện pháp cưỡng chế khác. Cụ thể như: Biện pháp khấu trừ tiền vào tài khoản, trừ vào thu nhập của người phải thi hành án có đối tượng là tiền, giấy tờ có giá; biện pháp buộc giao quyền tài sản, giấy tờ, buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định là công việc; biện pháp khai thác tài sản của người phải thi hành án có đối tượng là tài sản cần phải và có thể khai thác để thi hành án. Trong khi đó, đối tượng của biện pháp kê biên, xử

lý tài sản khá đa dạng có thể là động sản (ô tô, xe máy, giường, tủ ...), có thể là bất động sản (nhà cửa, công trình kiến trúc, quyền sở hữu đất ...), hoặc có thể là tài sản vô hình khác (quyền sở hữu trí tuệ,...). Do người phải thi hành án không có tiền để thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án nhằm mục đích chuyển giá trị của tài sản đó thành tiền hoặc định lượng bằng một giá trị tiền để thanh toán nghĩa vụ với người được thi hành án.

Thứ ba, tài sản bị kê biên có thể thuộc quyền sở hữu riêng hoặc sở hữu chung của người phải thi hành án hoặc đang do người thứ ba nắm giữ.

Đây cũng là điểm khác biệt của biện pháp kê biên, xử lý tài sản so với các biện pháp cưỡng chế THADS khác. Với biện pháp kê biên, xử lý tài sản người phải thi hành án thì tài sản đó có thể là của người thứ ba, người đã đứng ra cam kết cho thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản của mình khi người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ.

Do vậy, cơ quan thi hành án phải xử lý nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình kê biên và xử lý tài sản đã kê biên để thi hành án. Với những đặc điểm này đòi hỏi áp dụng biện pháp kê biên tài sản phải được tiến hành một cách thận trọng, tuân thủ theo những nguyên tắc, thủ tục chặt chẽ. Để xác định tài sản thi hành án nào của người phải thi hành án, tài sản nào là của người khác là cả một vấn đề phức tạp, vì nhiều khi tài sản đó là của chính người phải thi hành án nhưng vì mục đích lẩn tránh nghĩa vụ mà trước khi thi hành án, họ đã chuyển giao tên, tài sản cho người khác; ngược lại có những tài sản của người thứ ba khác, nhưng lại đang do người phải thi hành án quản lý, sử dụng, đứng tên...

1.3. Vai trò, ý nghĩa của biện pháp kê biên, xử lý tài sản

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế THADS để bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định do Tòa án tuyên là rất cần thiết. Trong đó, kê biên tài sản là một trong những biện pháp cưỡng chế quan trọng nhằm đảm bảo quyền lực Nhà nước trong lĩnh vực Tư pháp. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực mà người thi hành án cố tình không thực hiện, trì hoãn hoặc kéo dài sẽ làm giảm giá trị pháp lý của

bản án, quyết định của Tòa án. Trong số rất nhiều các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước áp dụng trong quá trình THADS thì biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản có những vai trò, ý nghĩa đặc biệt, theo đó:

Thứ nhất, ngăn chặn kịp thời các hành vi tẩu tán tài sản của người phải thi hành án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, làm cơ sở cho việc buộc người phải thi hành án, người có nghĩa vụ liên quan phải chấp hành nghiêm túc bản án, quyết định của Tòa án và là tiền đề quan trọng để thực hiện được các yêu cầu của quan hệ dân sự đó là đưa trở lại tình trạng ban đầu khi giao dịch dân sự, kinh tế bị vô hiệu.

Thứ hai, thông qua việc kê biên, xử lý tài sản để thi hành án góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của không chỉ người phải thi hành, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với việc thực hiện các nội dung của bản án, quyết định của Tòa án mà cộng đồng dân cư nói chung. Sau quá trình tranh tụng kéo dài để giành lại quyền và lợi ích hợp pháp của mình, người được thi hành án luôn mong chờ bản án, quyết định của Tòa án được thực thi trong thực tiễn. Sự chậm trễ thực hiện nghĩa vụ từ phía người phải thi hành án là điều họ không mong muốn. Việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản buộc người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ của mình còn thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, có ý nghĩa răn đe, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật đối với đương sự nói riêng và quần chúng nhân dân nói chung.

Thứ ba, biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản góp phần giữ gìn trật tự, kỷ cương an toàn xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản nói riêng, thi hành án dân sự nói chung là một trong những hoạt động quan trọng, nhằm khôi phục và bảo vệ các quan hệ xã hội bị xâm hại. Do đó, thi hành dứt điểm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay trên thực tế có ý nghĩa đặc biệt trong việc đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Thông qua việc áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản, những bản án, quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước, thể hiện ý chí của Nhà nước được trở thành hiện thực, công lý xã hội được thực hiện. Quá trình giải quyết một vụ án chỉ kết thúc khi bản án, quyết định

của Tòa án được thi hành kịp thời và đầy đủ. Nếu việc thi hành bản án, quyết định ấy không được quan tâm và không có hiệu quả thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực, tác động đến toàn bộ hoạt động tổ tụng trước đó, trật tự kỷ cương xã hội bị vi phạm, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bị xâm hại. Việc bản án, quyết định của Tòa án được đảm bảo thi hành trên thực tế đạt hiệu quả sẽ mang lại niềm tin cho nhân dân đối với tính nghiêm minh của pháp luật, góp phần lập lại kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, một bản án, quyết định có hiệu lực mà không được thi hành trên thực tế cho thấy sự thiếu nghiêm minh của pháp luật, dễ gây mất sự đoàn kết, xung đột kéo dài trong nhân dân, gây chia rẽ trong nội bộ nhân dân.

Thứ tư, cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản thi hành án góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tự nguyện thi hành án của các đương sự được coi là biện pháp quan trọng nhất trong hoạt động thi hành án dân sự. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp người phải thi hành án có đủ điều kiện thi hành án nhưng vẫn không tự nguyện thi hành, tìm cách trì hoãn, trốn tránh việc thi hành án. Trong trường hợp này để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phải thi hành án, cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thi hành án là giải pháp có hiệu quả nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án, đảm bảo được hiệu lực của bản án, quyết định và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật trước thái độ không chấp hành án của người phải thi hành án.

Thứ năm, kê biên, xử lý tài sản để thi hành án có vai trò to lớn trong việc đảm bảo thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Mặt khác cũng nâng cao hiệu quả chất lượng xét xử. Bản án, quyết định của Tòa án là kết quả của các hoạt động kiểm sát, điều tra, truy tố, xét xử. Đây là những hoạt động hết sức vất vả, phức tạp và tốn kém. Song những hoạt động đó có thể vô nghĩa nếu như kết quả của nó không được đưa ra thi hành trên thực tế. Chính vì vậy hoạt động thi hành án dân sự nói chung, cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản thi hành án dân sự nói riêng (nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án) là hoạt động không thể thiếu, nhằm làm các kết quả hoạt động của các cơ quan tổ tụng trước đó thành hiện thực, trả lại sự công bằng của pháp luật. Thông qua việc áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản, kết

quả xét xử sẽ được củng cố, hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án được đảm bảo. Khi mà người phải thi hành án cố ý chây ỳ, không thực hiện nghĩa vụ được bản án, quyết định của Tòa án ấn định, thì cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản gần như là bước cuối cùng và cũng là duy nhất để bắt buộc họ thi hành án, tôn trọng pháp luật. Thông qua việc kê biên, xử lý tài sản để thi hành án còn kiểm tra được công tác xét xử của Tòa án đối với từng vụ án cụ thể, phát hiện được những khiếm khuyết của các quy định của pháp luật; trên cơ sở đó chúng ta sẽ tổng kết, rút kinh nghiệm nâng cao chất lượng xét xử; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật.

1.4. Các yếu tố bảo đảm hiệu quả hoạt động kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại

Các yếu tố bảo đảm hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản THAKDTM là những yếu tố, những điều kiện cần thiết để hoạt động này chắc chắn được thực hiện. Có nhiều yếu tố khác nhau có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kê biên, xử lý song những yếu tố dưới đây có thể được coi là những yếu tố chính:

1.4.1. Bảo đảm về pháp lý

Một là, nền tảng pháp luật về THAKDTM. Trong mọi lĩnh vực chỉ phát triển được khi có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ, thể chế hóa được các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. THAKDTM cũng vậy, muốn thực hiện tốt công tác kê biên, xử lý tài sản THAKDTM phải có hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, dễ tiếp cận. Pháp luật ngay từ giai đoạn đầu trong quá trình thi hành án phải mang tính định hướng đúng đắn, đến giai đoạn kê biên, xử lý càng phải chặt chẽ. Chỉ khi pháp luật THAKDTM tạo ra được một hành lang pháp lý vừa mang tính định hướng vừa thuận lợi cho các hoạt động kê biên, xử lý tài sản, mới là cơ sở để đánh giá sự tuân thủ pháp luật của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, trở thành công cụ phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, khôi phục và bảo đảm trật tự quản lý Nhà nước. Có thể nói, một hệ thống pháp luật về THAKDTM nói chung và kê biên, xử lý tài sản thi hành án KDTM nói riêng hoàn chỉnh là điều kiện cần, bảo đảm cho việc nâng cao hiệu quả công tác THAKDTM được đúng đắn.

Hai là, bản án, quyết định dân sự phải thật sự rõ ràng, có tính khả thi.

Bản án là cơ sở pháp lý để ghi nhận quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan. Vì vậy, để các bản án có thể thi hành trên thực tế thì trước hết bản án, quyết định của Tòa án về kinh doanh, thương mại phải cụ thể về nội dung. Quyền và nghĩa vụ được ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án phải có khả năng thực thi trên thực tế. Ngoài ra, để tránh hiểu sai, hiểu không đúng thì lời văn của bản án, phải rõ ràng, dễ hiểu và chỉ hiểu theo một nghĩa.

Hoạt động kê biên, xử lý tài sản dựa trên phán quyết của tòa án, vì vậy nếu bản án đó tuyên sai, tuyên không rõ ràng, dẫn tới tình trạng kê biên, xử lý sai hoặc không thể tiến hành kê biên, xử lý tài sản để thi hành án. Do đó, bản án, quyết định của Tòa án phải đảm bảo tính chung thẩm cao. Có như vậy mới hạn chế được tình trạng bản án, quyết định kinh doanh thương mại có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành nhưng sau đó lại được hoãn, tạm đình chỉ, kháng nghị, huỷ hoặc cải sửa làm ảnh hưởng tới quá trình thực thi bản án của các bên có liên quan.

Ba là, công tác tổ chức thực hiện pháp luật trong hoạt động kê biên, xử lý tài sản THA kinh doanh, thương mại phải bảo đảm thực sự có hiệu quả.

Khi tổ chức thực hiện pháp luật có liên quan đến hình thức tuân thủ pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Việc đã có hệ thống pháp luật thống nhất đồng bộ dễ hiểu nhưng khi áp dụng pháp luật lại không đúng tinh thần quy định thì việc đó cũng không đảm bảo hiệu quả của hoạt động THAKDTM đúng. Có thể nói, việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản THAKDTM rất khó khăn vì tính chất án KDTM thường rất phức tạp, chủ thể phải thi hành án là những đối tượng có nhiều mối quan hệ xã hội, biết luồn lách, lẩn tránh. Do đó, việc tổ chức hiệu quả hoạt động kê biên, cưỡng chế trên thực tế là điều rất quan trọng trong quá trình THAKDTM.

1.4.2. Bảo đảm về chính trị

Thứ nhất, phát huy vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong việc bảo đảm hiệu quả hoạt động THAKDTM. Đặc trưng của hệ thống chính trị ở nước ta là một đảng duy nhất cầm quyền. Trong khi đó THA kinh doanh, thương mại có vai trò

quan trọng trong hoạt động tư pháp nói chung và quá trình giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại nói riêng. Bản án, quyết định của Toà án chỉ thực sự có giá trị khi được thi hành trên thực tế. Hoạt động THAKDTM là công đoạn cuối cùng, bảo đảm cho bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Toà án được chấp hành, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước. Vì vậy, không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ hai, Nhà nước cần phải tạo ra một hệ thống cơ quan THA đủ mạnh để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động THAKDTM. Việc tổ chức hệ thống các cơ quan THA cũng cần bảo đảm cho CHV có thể chủ động trong việc đưa ra các quyết định nhằm thi hành theo đúng nội dung bản án, quyết định dân sự của Toà án. Ngoài ra, còn phải đáp ứng một số yêu cầu đó là: (i) Xây dựng hệ thống cơ quan THA theo hướng giảm bớt các khâu trung gian, làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn đi đôi với việc xác định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thi hành án; (ii) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thi hành án, nâng cao kỷ luật, kỷ cương pháp luật của Nhà nước; (iii) Bảo đảm tập trung, thống nhất trong quản lý nhà nước đối với hoạt động thi hành án;

Thứ ba, Trong xu hướng hội nhập quốc tế, quan điểm của Đảng, của nhà nước đối với việc thi hành án dân sự nói chung và THAKDTM nói riêng không có sự phân biệt, đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Các bản án, quyết định của cơ quan tài phán nước ngoài đều được công nhận và tổ chức thi hành tại Việt Nam khi quốc gia nước ngoài đó và Việt Nam đã thực hiện việc ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế có liên quan. Chính quan điểm và quy định không phân biệt đối xử đã và đang góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch thu hút Việt Nam trong thời gian qua.

1.4.3. Bảo đảm về kinh tế, xã hội

Trong mối quan hệ với pháp luật thì yếu tố kinh tế giữ vai trò quyết định. Điều kiện kinh tế - xã hội của một quốc gia chính là yếu tố quyết định đến nội dung pháp luật của quốc gia ấy. Các quy định, điều lệ của pháp luật về hoạt động kinh tế -

xã hội, hoạt động phân phối, quản lý sản xuất, quyền và nghĩa vụ của công dân trong quá trình tham gia và hoạt động kinh doanh. Tất cả đều xuất phát từ điều kiện kinh tế của đất nước.

Kinh tế được xem là một trong các yếu tố của kiến trúc hạ tầng làm nền tảng cho việc xây dựng các văn bản luật, trong đó có pháp luật THA KDTM . Tùy thuộc ở mức độ phát triển nền kinh tế đất nước trong mỗi thời kỳ mà pháp luật được ban hành cho phù hợp. Yếu tố kinh tế không chỉ tác động đến việc xây dựng các văn bản pháp luật ở tính định hướng mà còn tác động đến việc thực hiện các văn bản pháp luật sau khi ban hành. Ở góc độ nào đó, nếu như nền kinh tế phát triển, thì các chủ thể trong THA KDTM sẽ có điều kiện để thực hiện nội dung bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng nếu như điều kiện kinh tế khó khăn, sẽ dẫn tới tâm lý trốn tránh, chây ỳ trong hoạt động THA. Kinh tế phát triển, “cục máu đông” của nền kinh tế là nợ xấu ngân hàng ít xảy ra, đồng nghĩa với việc các tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa doanh nghiệp với ngân hàng cũng hạn chế. Nền kinh tế xã hội phát triển, doanh nghiệp phát triển sẽ là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có điều kiện thực hiện đúng nội dung thi hành án, cơ quan thi hành án có cơ sở về mặt tài sản để tiến hành cưỡng chế THA, không để vụ việc THADS rơi vào tình trạng chờ đợi, kéo dài.

Trong các vụ việc THA KDTM , một trong các bên THA là doanh nhân, doanh nghiệp. Do vậy, nhận thức của các đối tượng này về việc thực thi pháp luật nói chung và pháp luật THADS nói riêng thường cao hơn các đối tượng là cá nhân, công dân. Trong xã hội, nền kinh tế phát triển năng động, hoạt động và trình độ của các doanh nghiệp có tính chuyên nghiệp cao; khi phát sinh vụ việc về THA kinh doanh thương mại, nhận thức về việc THA của các đối tượng này đối với vụ việc thường tốt hơn. Ngược lại, với một xã hội mà nền kinh tế kém phát triển, các doanh nghiệp hoạt động manh mún, trình độ nhận thức của các doanh nghiệp đối với pháp luật nói chung hạn chế sẽ dẫn đến việc nhận thức và thực hiện pháp luật THA KDTM bị hạn chế khi có vụ việc phát sinh.

Vai trò của xã hội còn được thể hiện thông qua các cơ quan, tổ chức, đoàn thể. Thực tiễn cho thấy, hầu hết mỗi người đều tham gia các cơ quan, đoàn thể và tổ chức riêng. Trong khi đó trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức này không chỉ thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật mà còn có nghĩa vụ tuyên truyền, giáo dục cán bộ, nhân viên, hội viên của mình sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Hơn nữa, trong một số trường hợp hoạt động THAKDTM có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ phối hợp với các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp với nhau. Vì vậy, có thể coi các cơ quan, tổ chức vừa có trách nhiệm giáo dục, thuyết phục người phải THAKDTM tự nguyện thực hiện bản án, quyết định của Tòa án, vừa thể hiện nghĩa vụ của mình trong việc phối hợp với CHV để THAKDTM. Yếu tố văn hóa – xã hội có tác động hai chiều đối với hoạt động THAKDTM. Văn hóa, xã hội có những tác động tích cực đến việc thực thi pháp luật nếu như các chủ thể có trình độ nhận thức, ý thức tuân thủ, hiểu biết về pháp luật THA. Khi xảy ra vi phạm và đã có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền, hành vi vi phạm lại chịu sự lên án của cộng đồng, dư luận thì ít nhiều tác động đến ý thức của các chủ thể kinh doanh thương mại, tác động làm các chủ thể tự nguyện hơn trong hoạt động THA. Ngược lại, cũng có trường hợp yếu tố văn hóa-xã hội cũng là yếu tố cản trở việc thực hiện hoạt động THA. Khi trình độ nhận của các chủ thể trong lĩnh vực THAKDTM chưa cao thì các chủ thể còn gây khó dễ, thiếu hợp tác trong vấn đề THA.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Thi hành án dân sự là giai đoạn có ý nghĩa quyết định trong việc bảo đảm thực thi các bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực pháp luật. Trong thi hành án dân sự, hoạt động kê biên, xử lý tài sản là vấn đề quan trọng, thể hiện hiệu quả hoạt động của cơ quan thi hành án nói riêng và bộ máy nhà nước nói chung, ảnh hưởng tới việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể liên quan. Vấn đề bảo đảm hiệu lực bản án, quyết định của Tòa án là yêu cầu tất yếu khách quan trong hoạt động Nhà nước, là nguyên tắc Hiến định chỉ đạo toàn bộ tổ chức và hoạt động thi hành án ở nước ta, vì vậy, việc nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử

lý tài sản thi hành án càng trở nên cần thiết.

Kê biên, xử lý tài sản của người phải THAKDTM cũng là một khái niệm mới chưa được định nghĩa. Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn thi hành án dân sự ở nước ta hiện nay, tác giả cho rằng kê, xử lý tài sản của người phải THAKDTM là kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM là biện pháp cưỡng chế THA, theo đó, CHV ghi lại lần lượt tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản của người phải thi hành án KDTM làm cơ sở cho việc tiến hành giải quyết tài sản đã kê biên (như định giá, bán tài sản...) nhằm thi hành nghĩa vụ trả tiền của người phải thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định khác về KDTM theo quy định của pháp luật.

Là một hoạt động điển hình của thi hành án, kê biên, xử lý tài sản THAKDTM ngoài những dấu hiệu đặc trưng chung của thi hành án, còn có những nét riêng, đặc thù phân biệt với các biện pháp cưỡng chế thi hành án khác như: chỉ áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện để thi hành nhưng không tự nguyện thi hành án, đối tượng bị cưỡng chế kê biên, xử lý là vật, quyền tài sản; ... Trên thực tế, chủ thể bị kê biên, xử lý tài sản trong THAKDTM chủ yếu là doanh nghiệp, người tiến hành hoạt động kinh doanh sản xuất, trách nhiệm về tài sản của các doanh nghiệp này chủ yếu trong phạm vi vốn góp vào doanh nghiệp. Vì vậy, việc xác định để kê biên, xử lý tài sản của doanh nghiệp khá phức tạp, tài sản để đưa ra kê biên, xử lý thi hành thường đa dạng về chủng loại và mang giá trị lớn.

Kê biên, xử lý tài sản THAKDTM có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại nói riêng và trong hoạt động tư pháp nói chung. Bản án, quyết định của Tòa án chỉ là những phán quyết trên giấy, nếu nó không được thực thi trên thực tế. Hoạt động thi hành án dân sự nói chung và kê biên, xử lý tài sản THAKDTM nói riêng có hiệu quả sẽ góp phần quan trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay, việc hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự, pháp luật kê biên, xử lý tài sản THAKDTM phải được thực hiện theo hướng: Xây dựng được bộ máy cơ quan quản

lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự thống nhất, tập trung, tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thiết lập được cơ chế xã hội hóa từng bước hoạt động thi hành án dân sự; làm giảm những chi phí cho nhà nước, phát huy tính tự nguyện của công dân trong quá trình tổ chức thi hành án.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRONG THI HÀNH ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Nội dung các quy định pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại

Như đã phân tích, hoạt động kê biên, xử lý tài sản thi hành án của người phải thi hành trong vụ án KDTM là hai hoạt động liên tiếp, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Việc kê biên tài sản có ý nghĩa trong thi hành án khi CHV căn cứ vào kết quả hoạt động kê biên, căn cứ đặc điểm, giá trị tài sản đã kê biên để xem xét áp dụng biện pháp xử lý đối với loại tài sản nào thì tương ứng, phù hợp với giá trị cần thi hành. Do đó, nếu việc xử lý tài sản không dựa trên hoạt động kê biên tài sản sẽ dẫn tới những sai sót làm ảnh hưởng tới hiệu quả công tác thi hành án, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của công dân. Sau khi kê biên tài sản, để có cơ sở để xử lý tài sản đó, một bước cần tiến hành đó là hoạt động định giá tài sản kê biên. Như vậy, định giá là khâu chuyển tiếp giữa hai hoạt động trên, xét một cách khách quan sẽ không nằm trong hoạt động kê biên hay xử lý mà tồn tại độc lập riêng biệt. Vì vậy, trong phần này, tác giả đi theo trình tự phân tích các quy định trong các hoạt động kê biên, định giá và cuối cùng là xử lý tài sản thi hành án, chứ không chỉ đơn thuần phân tích hai hoạt động kê biên và định giá.

2.1.1. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản chỉ được tiến hành khi có đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo bản án, quyết định được đưa ra thi hành hoặc phải nộp phí thi hành án.

Nghĩa vụ thanh toán tiền của người phải thi hành án được ấn định trong bản

án, quyết định trong lĩnh vực KDTM của Tòa án hoặc của cơ quan có thẩm quyền như tổ chức trọng tài thương mại Việt Nam hoặc của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, được biểu hiện ở các dạng như: Người phải thi hành án phải trả tiền bồi thường, hoặc việc trả tiền nợ, tiền thanh toán theo hợp đồng,...

Thứ hai, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án

Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án là những người mà CHV đã xác minh khẳng định được người đó có tài sản (trừ tài sản là tiền thì không áp dụng biện pháp cưỡng chế này). Tài sản của người phải thi hành án có thể là động sản, bất động sản và kể cả quyền sở hữu trí tuệ, QSD đất, vốn góp... theo quy định tại Mục 6 Luật THADS năm 2008.[31]

Thứ ba, hết thời gian tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành.

Do tính chất của THADS khác với tính chất của THA hình sự và đối tượng của biện pháp kê biên tài sản trong THADS là tài sản nên cần thiết phải cho người phải thi hành án một khoảng thời gian chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ. Thời gian tự nguyện thi hành án quy định tại Điều 45 Luật THADS 2008 là 15 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án [29]. Đây là thủ tục bắt buộc và là thủ tục đầu tiên của các CHV khi được Thủ trưởng cơ quan thi hành án phân công tổ chức thi hành một quyết định thi hành án. Nếu trong thời gian tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án mà không đạt được kết quả như mong muốn thì CHV phải dùng đến quyền lực của nhà nước tức là áp dụng các biện pháp cưỡng chế để buộc người có nghĩa vụ phải thi hành theo đúng bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của cơ quan Thi hành án.

Thứ tư, chưa hết thời gian người phải thi hành án tự nguyện thi hành nhưng cần ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Trong thời gian tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án, nếu CHV nhận thấy cần phải ngăn chặn hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì CHV có quyền ra quyết định áp dụng ngay các biện pháp bảo đảm, các biện pháp cưỡng chế thi hành án được quy định tại Chương IV Luật

THADS theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Luật THADS.[36]

2.1.2. Tài sản để tiến hành kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại

Trên thực tế tồn tại rất nhiều tài sản khác nhau, người phải thi hành án sở hữu, đưa vào sử dụng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều loại tài sản, thế nhưng không phải tài sản nào của người phải THA KDTM cũng không được kê biên, xử lý mà chỉ những tài sản pháp luật pháp luật cho phép mới được kê biên.

Theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án đã được sửa đổi, bổ sung 2014 thì pháp luật quy định theo hướng loại trừ. Theo đó, ngoài những tài sản đã quy định không được kê biên, thì còn lại các tài sản khác được phép kê biên, xử lý để thi hành án.

Như vậy, có thể hiểu rằng mọi tài sản của người phải thi hành án bao gồm tài sản thuộc sở hữu riêng, sở hữu chung với người khác kể cả tài sản là quyền sở hữu trí tuệ hay tài sản đang do người thứ ba nắm giữ đều có thể bị kê biên để đảm bảo thi hành án trừ những tài sản sau:

Thứ nhất, tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.

Những tài sản CHV không được kê biên để thi hành án là những tài sản mà pháp luật đã quy định cấm lưu thông, như thuốc phiện, hê rô in, thuốc nổ...; những tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh như súng, đạn, gươm, giáo... và những tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức như các phương tiện giao thông, tiền lương của cán bộ công chức, tiền chi khác để phục vụ công tác của cán bộ, công chức trong đơn vị, cơ quan...

Thứ hai, tài sản sau đây của người phải thi hành án là cá nhân:

- Số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải thi hành án và gia đình trong thời gian chưa có thu nhập, thu hoạch mới;
- Số thuốc dùng để phòng, chữa bệnh của người phải thi hành án và gia đình;
- Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm;
- Đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương;

- Công cụ lao động cần thiết, có giá trị không lớn được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người phải thi hành án và gia đình;

- Đồ dùng sinh hoạt cần thiết cho người phải thi hành án và gia đình.

Thứ ba, tài sản của người phải thi hành án là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Xuất phát từ đặc điểm trong chủ thể trong THA KDTM chủ yếu là các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh nên việc tài sản phải thi hành án của các chủ thể này cũng có những nét riêng. Những loại tài sản không được đưa vào kê biên, xử lý bao gồm:

- Thuốc để phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động.

- Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh cũng không được phép kê biên, xử lý.

- Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường là những tài sản nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng.

Việc kê biên tài sản là cần thiết nhưng nếu ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sự tồn tại của doanh nghiệp phải thi hành án thì sẽ gây nên bức xúc cho người phải thi hành án và xã hội, vi phạm quyền con người.

2.1.3. Về thời gian tổ chức kê biên tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Thời gian tổ chức thi hành án kinh doanh thương mại được tiến hành theo thời gian pháp luật thi hành án đã quy định chung. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Luật THADS đã được sửa đổi bổ sung CHV không được tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật [36,tr.52]. Theo quy định hiện hành của Bộ luật Lao động, các ngày nghỉ được quy định cụ thể như sau:

- Tết dương lịch: một ngày (ngày 1 tháng 1 dương lịch).

- Tết âm lịch: bốn ngày (một ngày cuối năm và ba ngày đầu năm âm lịch).

- Ngày Chiến thắng: một ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch).
- Ngày Quốc tế lao động: một ngày (ngày 1 tháng 5 dương lịch).
- Ngày Quốc khánh: một ngày (ngày 2 tháng 9 dương lịch).
- Ngày giỗ tổ Hùng Vương (ngày 10/3 âm lịch)

Mặt khác, tại Điều 13 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định cơ quan THADS không được tổ chức cưỡng chế thi hành án có huy động lực lượng trong thời gian 15 ngày trước và sau Tết nguyên đán, các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách nếu họ là thương binh, bệnh binh, là bác sỹ, y sỹ, bộ đội... phải thi hành án như ngày 27/7, ngày 27/2, ngày 22/12... Trường hợp cần thiết phải cưỡng chế, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu báo cáo Tư lệnh quân khu và tương đương ít nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 172, Khoản 2 Điều 173 và Khoản 2 Điều 174 của Luật Thi hành án dân sự [36].

2.1.4. Căn cứ áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản thi hành án kinh doanh thương mại

Căn cứ để cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là những cơ sở pháp lý để áp dụng các biện pháp kê biên, xử lý tài sản vào đối tượng cần cưỡng chế để thi hành án. Tại Điều 70 Luật thi hành án dân sự quy định 3 căn cứ: “*Căn cứ để cưỡng chế thi hành án bao gồm: Bản án, quyết định; Quyết định thi hành án; Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án*”. Theo quy định trên, để tiến hành cưỡng chế thi hành án đối với người phải thi hành án phải cần có đầy đủ các căn cứ đã nêu, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu thuộc một trong các trường hợp này, CHV chỉ cần căn cứ vào Bản án, quyết định và Quyết định thi hành án để tổ

chức cưỡng chế kê biên và xử lý tài sản mà không cần ban hành quyết định cưỡng chế thi hành án.

2.1.4.1. Bản án, quyết định trong lĩnh vực KDTM.

Đây là căn cứ đầu tiên để áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản. Tuy nhiên, không phải mọi bản án, quyết định đều được áp dụng biện pháp này. Chỉ một số loại bản án, quyết định được pháp luật thi hành án dân sự quy định vào thỏa mãn một số điều kiện nhất định mới được xem là căn cứ để áp dụng biện pháp này. Cụ thể:

- Những bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự

Theo quy định của Luật thi hành án dân sự 2008 đã được sửa đổi bổ sung thì những loại bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự, gồm:

- + Bản án, quyết định dân sự;
- + Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
- + Quyết định của Trọng tài thương mại Việt Nam
- + Bản án, quyết định thương mại của Tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

Không phải mọi bản án, quyết định KDTM ở phần trên đều đương nhiên được thi hành theo trình tự, thủ tục về thi hành án dân sự. Theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì chỉ những bản án, quyết định dân sự thỏa mãn những điều kiện nhất định mới có thể đưa ra thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự. Cụ thể, những bản án, quyết định được thi hành phải là bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật hoặc những bản án quyết định có nội dung thi hành ngay.

Thứ nhất, những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể: - Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; - Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án; Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam; - Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh mà sau 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực

pháp luật đương sự không tự nguyện thi hành, không khởi kiện tại Tòa án; - Quyết định của Trọng tài thương mại. Tuy nhiên, thông thường, cơ quan thi hành án dân sự thường không tự mình tính xem án đã có hiệu lực hay chưa, vì với những bản án có mặt nhiều đương sự, đương sự vắng mặt, thì hiệu lực bản án sẽ phụ thuộc thời gian niêm yết bản án cho những người vắng mặt đó. Do vậy, cơ quan thi hành án sẽ căn cứ vào dòng chữ “để thi hành ” được Tòa án đóng lên trang đầu của bản án để xem xét đến nhận biết hiệu lực bản án.

Thứ hai, những bản án, quyết định KDTM của Tòa án sở thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Về nguyên tắc thì những bản án, quyết định được thi hành phải là những bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Đó là: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án để bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án. Loại việc này được pháp luật quy định cho thi hành ngay chủ yếu xuất phát từ yêu cầu cấp thiết về bảo vệ chứng cứ, phục vụ cho công tác xét xử cũng như yêu cầu đảm bảo thi hành án. Nếu các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không được cho thi hành ngay thì ý nghĩa “khẩn cấp” của biện pháp quy định trong quyết định của Tòa án sẽ mất ý nghĩa thực tế của nó.

2.1.4.2. Quyết định thi hành án

Quyết định thi hành án là bước đầu tiên là cơ sở trong suốt quá trình thi hành án. Việc ra quyết định thi hành án căn cứ vào yêu cầu thi hành án hoặc cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định.

Thứ nhất, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khi có yêu cầu thi hành án. Như vậy, Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự 2008 đã bỏ khái niệm đơn yêu cầu thi hành án, mà sử dụng một khái niệm rộng hơn là yêu cầu thi hành án (bao gồm đơn và nhiều hình thức trực tiếp khác).-Thời hạn ra quyết định thi hành án theo yêu cầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

Thứ hai, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra

quyết định thi hành án và phân công CHV tổ chức thi hành đối với phần bản án, quyết định sau: Hình phạt tiền, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, lệ phí Tòa án; Trả lại tiền, tài sản cho đương sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản; các khoản thu khác cho Nhà nước; Thu hồi QSD đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản. Đối với quyết định quy định tại điểm d khoản này thì phải ra ngay quyết định thi hành án. Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự 2008 đã bổ sung trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án khi có quyết định của tòa án giải quyết phá sản.

2.1.4.3. Quyết định cưỡng chế thi hành án

Đây là loại quyết định do CHV thụ lý hồ sơ ban hành. Khi hết hạn tự nguyện thi hành án, người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không tự nguyện thi hành án thì CHV sẽ lựa chọn biện pháp cưỡng chế thi hành án và ra quyết định cưỡng chế thi hành án. Tuy nhiên, trong trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, thì CHV không phải có quyết định cưỡng chế thi hành án.

2.1.5. Thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản

Pháp luật thi hành án dân sự quy định thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản thi hành án là quyền cơ bản của CHV. Khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án hoặc khi người phải thi hành án có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh trách việc thi hành án thì CHV ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với người phải thi hành án. Do đó, việc không ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án, hay việc chậm trễ trong việc ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế đều coi là vi phạm trình tự thủ tục trong thi hành án. Theo Luật thi hành án 2008 thời gian để người tự nguyện thi hành án là 15 ngày, Luật thi hành án đã được sửa đổi, bổ sung rút ngắn thời gian tự nguyện thi hành xuống 10 ngày.

Bên cạnh đó, tại điểm a Khoản 1 Điều 7 Luật thi hành án đã được sửa đổi, bổ

sung cũng ghi nhận quyền được yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với người phải thi hành án [36,tr.11]. Căn cứ yêu cầu này, CHV xem xét áp dụng hay không áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để thi hành án.

Kế thừa những quy định của pháp luật trước đó, nhằm nâng cao hơn hiệu quả công tác THA, Luật THADS được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã quy định rõ ràng, chặt chẽ, đầy đủ thủ tục thông báo THA, trong đó có thông báo về kê biên tài sản, xử lý tài sản. Điều 39, 40, 41, 42 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 12 Nghị định 62/2015/NĐ-CP quy định CHV phải thông báo trước, trực tiếp bằng văn bản cho người phải THA, người được THA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản kê biên, các cơ quan, tổ chức về việc tiến hành các biện pháp kê biên, xử lý tài sản thi hành án [13].

2.1.6. Trình tự, thủ tục chung về kê biên tài sản

Sau khi ra quyết định kê biên tài sản, tiến hành thông báo cho người phải thi hành án, người liên quan biết về việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản, thì cơ quan thi hành án, CHV phụ trách hồ sơ đồng thời cũng xây dựng kế hoạch kê biên tài sản, kê biên và giao tài sản kê biên.

2.1.6.1. Xây dựng kế hoạch kê biên tài sản

Cũng như các biện pháp cưỡng chế khác, theo Điều 72 Luật THADS, trước khi tiến hành cưỡng chế bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án thì CHV được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành vụ việc phải lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp phải cưỡng chế ngay[36,tr.82].

Trong kế hoạch kê biên, CHV phải lập dự trù chi phí về tất cả các khoản của việc tổ chức kê biên, giao bảo quản tài sản, định giá và bán đấu giá tài sản hoặc bán không qua đấu giá tài sản kê biên; lập danh sách những người tham gia kê biên. Danh sách những người tham gia việc kê biên phụ thuộc hoàn toàn vào tính chất, đặc điểm của từng vụ việc kê biên.

2.1.6.2. Tiến hành việc kê biên tài sản

Trước khi tiến hành việc kê biên tài sản, CHV chuẩn bị các mẫu biên bản cần

thiết sử dụng trong buổi kê biên như: Biên bản mở gói, mở khóa để kê biên tài sản thi hành án, Biên bản niêm phong tài sản, Biên bản kê biên, Biên bản thỏa thuận về giá tài sản kê biên, Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên, Biên bản thỏa thuận thi hành án... hồ sơ thi hành án và các văn bản pháp luật có liên quan.

Khi tiến hành kê biên tài sản, CHV yêu cầu người phải thi hành án tự nguyện thi hành án, thi hành quyết định cưỡng chế. Nếu người phải thi hành án tự nguyện thi hành hoặc thỏa thuận được với người được thi hành án về việc thi hành án thì CHV lập biên bản về sự tự nguyện hoặc thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 6, Điều 100 Luật THADS; Nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì CHV công bố quyết định cưỡng chế, giới thiệu thành phần tham gia kê biên và yêu cầu các lực lượng tham gia kê biên làm nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phân công.

Việc kê biên tài sản phải lập biên bản, ghi đầy đủ nội dung theo đúng mẫu quy định và phải lấy đầy đủ chữ ký của người được thi hành án, người phải thi hành án hoặc người được uỷ quyền, đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức kê biên, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, đại diện các cơ quan chuyên môn, CHV và người lập biên bản...

2.1.6.3. Giao bảo quản tài sản đã kê biên

Đối với từng loại tài sản bị kê biên mà có những cách thức giao, tiến hành bảo quản cho phù hợp. Tuy nhiên, theo quy định chung tại Điều 58 Luật THADS thì sau khi đã kê biên tài sản, việc giao bảo quản tài sản kê biên được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- Giao cho người phải thi hành án, người thân thích của người phải thi hành án hoặc người đang sử dụng, bảo quản.
- Cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản.
- Bảo quản tại kho của cơ quan THADS.
- Tài sản là kim khí quý, đá quý, tiền hoặc giấy tờ có giá được bảo quản tại Kho bạc nhà nước[36,tr.67].

Việc giao bảo quản tài sản phải được lập biên bản theo đúng mẫu quy định, ghi rõ loại tài sản, tình trạng tài sản, giờ, ngày, tháng, năm giao; họ, tên CHV,

đương sự, người được giao bảo quản, người làm chứng (nếu có), quyền, nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và có chữ ký của các bên. Người được giao bảo quản tài sản đã kê biên được nhận thù lao cho việc bảo quản, tuy nhiên, để giảm trách nhiệm, tránh trường hợp đương sự lợi dụng việc được giao bảo quản tài sản gây thiệt hại, ảnh hưởng tới công tác thi hành án, pháp luật cũng quy định người được giao bảo quản phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc thực hiện bảo quản tài sản đó.

2.1.6.4. Thủ tục định giá, định giá lại tài sản sau khi kê biên tài sản

Sau khi kê biên tài sản, cơ quan THADS phải tiến hành định giá để xác định giá trị của tài sản kê biên, tức là xác định giá khởi điểm của tài sản để tổ chức bán tài sản đó. Theo quy định tại Điều 98 Luật THADS, có ba hình thức để xác định giá khởi điểm tài sản kê biên:

Thứ nhất, Sự thỏa thuận của các đương sự:

Đây là hình thức đầu tiên để xác định giá tài sản kê biên và đây cũng là hình thức hữu hiệu nhất, chi phí tốn kém ít nhất. Nhà nước khuyến khích các đương sự tự nguyện thi hành án theo điều 9 Luật THADS và khuyến khích đương sự thỏa thuận về giá tài sản kê biên.

Tại buổi kê biên CHV thông báo quyền thỏa thuận về giá tài sản kê biên cho người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu đương sự không thỏa thuận được về giá tài sản kê biên thì coi như họ mất quyền thỏa thuận đó. Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngay tại buổi kê biên đương sự không thỏa thuận được về giá tài sản kê biên nhưng sau buổi kê biên thì đương sự lại thỏa thuận được về giá tài sản kê biên.

Thứ hai, ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.

Đối với tài sản kê biên mà đương sự không thỏa thuận được về giá khởi điểm hoặc không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá hoặc tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối việc ký hợp đồng dịch vụ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, CHV ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản kê biên.

Kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá là giá khởi điểm của tài sản.

Thứ ba, CHV xác định giá khởi điểm:

Nhiều trường hợp đương sự không thỏa thuận được về giá tài sản kê biên thì trong một số trường hợp CHV phải xác định giá tài sản kê biên, cụ thể:

- Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật THADS;

- Tài sản kê biên thuộc loại tươi sống, mau hỏng hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá. Chính phủ quy định về tài sản có giá trị nhỏ.

Tại Điều 98 Luật THADS và Điều 26 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự quy định việc xác định giá tài sản của CHV được chia ra hai trường hợp như sau:

+ Trường hợp thứ nhất:

Trường hợp không ký được hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự, CHV có thể lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản kê biên; trường hợp vẫn không thể ký được hợp đồng thì CHV tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực của tài sản kê biên trước khi xác định giá của tài sản kê biên. Việc tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan phải lập thành văn bản hoặc biên bản có chữ ký của CHV và cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn đó. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của CHV mà cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn không có ý kiến bằng văn bản thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có ý kiến để CHV xác định giá tài sản kê biên.

(Trường hợp này không xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội do nơi đây là trung tâm, là thủ đô của cả nước nên các tổ chức thẩm định giá rất nhiều.)

+ Trường hợp thứ hai: Đối với tài sản kê biên có giá trị nhỏ, CHV có quyền chủ động hoàn toàn trong việc xác định giá.

Luật THADS năm 2014 và Nghị định 62/2015/NĐ-CP đã quy định tài sản nhỏ là tài sản giống hệt hoặc tương tự chưa qua sử dụng có giá mua bán trên thị trường không quá 10.000.000 đồng (Luật THADS năm 2008 quy định là 5.000.000 đồng). Việc xác định này phù hợp với biến động về giá và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, việc định giá tài sản có thể bị tiến hành lại trong trường hợp CHV có vi phạm nghiêm trọng quy định về kê biên tài sản trong THADS dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản, cụ thể như: hành vi như ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định với tổ chức không có chức năng, nhiệm vụ thẩm định giá hoặc khi xác định giá đối với tài sản không ký kết được hợp đồng thẩm định giá CHV đã không tham khảo ý kiến của cơ quan Tài chính, cơ quan chuyên môn bằng văn bản.

Hoặc đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản (Điều 99 Luật THADS). Yêu cầu định giá lại chỉ được thực hiện một lần và chỉ được chấp nhận nếu đương sự có đơn yêu cầu trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về kết quả thẩm định giá và phải nộp ngay tạm ứng chi phí định giá lại tài sản. Việc định giá lại theo quy định nêu trên sẽ phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật THADS. Rõ ràng việc giới hạn cụ thể số lần và thời gian định giá lại tài sản tránh việc yêu cầu định giá nhiều lần, kéo dài quá trình thi hành án.

2.1.7. Xử lý tài sản kê biên

Theo quy định tại Điều 100, Điều 101, Điều 104 Luật THADS, tài sản của người phải thi hành án sau khi đã được CHV kê biên, định giá thì tài sản kê biên sẽ được xử lý dưới các hình thức như sau:

2.1.7.1 Giao tài sản kê biên cho người được thi hành án để thi hành án

Cơ sở pháp lý để thực hiện hình thức này là Điều 100 Luật thi hành án dân sự, cụ thể như sau: Sau khi CHV tiến hành kê biên tài sản hoặc sau khi định giá tài sản kê biên (đã xác định giá khởi điểm của tài sản kê biên), người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau về việc nhận tài sản đã kê biên, định giá để trừ vào số tiền được thi hành án. Khi ấy, CHV phải lập biên bản về sự thỏa

thuận đó. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thỏa thuận, CHV có trách nhiệm đơn đốc, chứng kiến việc giao nhận tài sản và lập biên bản giao nhận tài sản thi hành án, trừ trường hợp đương sự tự giao nhận tài sản cho nhau. Trường hợp có nhiều người được thi hành án thì người nhận tài sản phải được sự đồng ý của những người được thi hành án khác và phải thanh toán lại cho những người được thi hành án khác số tiền tương ứng tỷ lệ giá trị mà họ được hưởng. Khi thanh toán tiền cho những người được thi hành án, CHV căn cứ vào Điều 47 Luật Thi hành án dân sự để tính toán từng người được thi hành án. Quy định này rất có ý nghĩa, một mặt, đảm bảo được quyền tự định đoạt của các đương sự; mặt khác, đảm bảo kết quả thi hành án, tiết kiệm được thời gian và tiền bạc.

2.1.7.2. Bán đấu giá tài sản

Cơ sở pháp lý để thực hiện việc bán tài sản kê biên là Điều 101, 102, 103, 104 Luật THADS và Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

CHV căn cứ vào loại tài sản thuộc loại bất động sản hay động sản, căn cứ vào kết quả định giá khởi điểm của tài sản để tiến hành các thủ tục bán tài sản theo đúng luật định. Tại Khoản 2 Điều 101 Luật THADS, những tài sản thuộc diện bán đấu giá do tổ chức bán đấu giá thực hiện, gồm:

- Động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng;
- Tài sản là bất động sản.

Việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản kê biên có thể do đương sự lựa chọn hoặc do CHV thực hiện việc bán đấu giá tài sản.

Trường hợp bán đấu giá do đương sự thỏa thuận lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản thì theo quy định hiện nay đương sự có quyền lựa chọn một trong hai tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp là Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

nơi có tài sản bán đấu giá hoặc nơi khác để CHV tiến hành ký kết hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản thi hành án. Việc thỏa thuận lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản của đương sự không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày định giá.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được tổ chức bán đấu giá tài sản thì CHV lựa chọn một trong hai tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản để thực hiện việc bán đấu giá tài sản.

Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá. Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 3 Điều 101 Luật THADS, CHV cơ quan THADS được tổ chức bán đấu giá trong hai trường hợp:

- Tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;

- Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng [36,tr.105].

Các trường hợp CHV tổ chức bán đấu giá tài sản để thi hành án đều phải tuân thủ các quy định về bán đấu giá tài sản tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010, khi đó CHV chính là Đấu giá viên chịu trách nhiệm tổ chức việc bán đấu giá tài sản.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá.

Luật THADS năm 2008 quy định khá chi tiết về vấn đề bán đấu giá nhưng gặp phải một số vướng mắc trong vấn đề bán đấu giá khi tài sản THA đem bán đấu giá sau rất nhiều lần giảm giá nhưng vẫn không có ai mua, nguyên nhân do thị trường chưa có nhu cầu, tình hình bất động sản đang xuống thấp. Ngoài ra, còn từ nguyên nhân người trúng đấu giá khi mua tài sản không được bảo vệ quyền và nghĩa vụ, dẫn tới

tâm lý e ngại khi mua tài sản bán đấu giá, mặc dù giá có thể thấp hơn ở ngoài. Quyền lợi của người mua tài sản bán đấu giá từ THA gặp nhiều rủi ro, rủi ro này không chỉ xuất phát từ việc chủ tài sản THA gây khó khăn, mà lý do quan trọng từ việc bản án, quyết định đưa ra THA có thể bị kháng nghị, dẫn tới tài sản mà người mua đấu giá mua hợp pháp cũng bị xem xét lại theo bản án giám đốc thẩm, tái thẩm.

Như vậy, nếu tài sản THA được đưa ra bán đấu giá, người mua đấu giá mua một cách hợp pháp, góp phần thực hiện tốt công tác THA nhưng sau đó có bản án khác của Tòa án cấp trên tái thẩm, giám đốc thẩm có nội dung trái với bản án đã thi hành thì việc người mua tài sản THA lại không đảm bảo được quyền lợi mặc dù mua tài sản từ nhà nước nhưng lại chịu rất nhiều rủi ro, từ việc người phải THA gây khó dễ cho đến việc rủi ro bản án giải quyết tài sản đấu giá bị tuyên hủy. Về nội dung, hầu hết các bản án, quyết định áp dụng đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu trong vấn đề hủy, sửa các vụ án này là do đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Nhưng chính điều này dẫn tới việc bản án, quyết định phải trả hồ sơ về cấp sơ thẩm, xét xử lại từ đầu, dẫn tới kéo dài chu trình giải quyết vụ án. Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã khắc phục các quy định trên. Cụ thể:

Đối với việc tài sản bị giảm giá nhiều lần không có ai mua, Điều 104 quy định nếu lần đầu đưa ra bán đấu giá mà không thành, không có người mua thì đương sự có quyền tự thỏa thuận giảm giá, sau 10 ngày nếu đương sự không thỏa thuận hoặc không thống nhất mức giảm thì CHV quyết định tiếp tục giảm giá tài sản. Từ sau lần thứ 2 mà vẫn không có người tham gia đấu giá, đấu giá không thành thì người được THA có quyền nhận tài sản đấu giá để trừ vào số tiền được THA, nếu người này không nhận tài sản, thì CHV tiếp tục giảm giá, trong mỗi lần giảm giá không dưới 10% giá khởi đầu liền kề đó, cho đến khi tài sản có giá dưới mức tiền THA mà vẫn không ai mua tài sản bán đấu giá, người được THA không nhận tài sản thì tài sản giao trả cho người phải THA quản lý sử dụng với điều kiện không đưa tài sản này vào bất kỳ giao dịch nào cho đến khi thi hành xong số tiền THA. Quy định trên đã giải quyết vướng mắc tài sản của người phải THA có nhưng không thực hiện được nghĩa vụ THA, giải quyết được việc nếu không có người tham gia đấu giá thì

tài sản được giao cho người được THA để bù trừ nghĩa vụ THA, nhờ đó, khắc phục phần nào khó khăn trong hoạt động bán đấu giá.

Đối với vấn đề bảo vệ quyền của người mua tài sản đấu giá, Điều 103 quy định:

"1. Người mua được tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để THA được bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản đó.

2. Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá đã nộp đủ tiền mua tài sản bán đấu giá nhưng bản án, quyết định bị kháng nghị, sửa đổi hoặc bị hủy thì cơ quan THADS tiếp tục giao tài sản, kể cả thực hiện việc cưỡng chế THA để giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp kết quả bán đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật hoặc đương sự có thỏa thuận khác" [36.tr.108].

Quy định trên luật bảo vệ người ngay tình trong việc sở hữu tài sản THA, phần nào giải quyết những khó khăn trong bán đấu giá, góp phần thúc đẩy hoạt động bán đấu giá trong THA được thực hiện thuận lợi. Để đảm bảo thống nhất trong việc bảo vệ quyền lợi của người được giao tài sản trong THA từ giai đoạn THA và cả khi được tòa án giải quyết bằng bản án khác. Điều 170 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 cũng xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của Tòa án: *"Khi xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được THA bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy"*[36,tr.174]. Như vậy, khi tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, không chỉ khắc phục sai sót của bản án sơ thẩm mà cần xem xét thực tế liên quan đến tài sản sau khi đã tiến hành THA tại giai đoạn sơ thẩm nhằm giải quyết vụ án theo đúng quy định nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên, bản án tuyên không gây tình trạng phải khắc phục hậu quả của việc đã THA từ bản án trước, phù hợp với việc thực hiện trên thực tế.

Liên quan đến tài sản THA có nhiều rủi ro, thực tế nhiều tài sản đang đưa ra THA thì chủ sở hữu, người liên quan phát hiện tài sản của mình lại bị đưa ra thi hành. Trong THA KDTM xảy ra trường hợp thành viên góp vốn đưa tài sản của mình, của gia đình vào sử dụng trong quá trình đi lại, làm phương tiện sản xuất kinh doanh, vô hình chung không còn sự phân biệt đó là tài sản cá nhân hay của công ty. Tuy nhiên,

cần phải căn cứ vào các biên bản góp vốn, biên bản cam kết tài sản riêng để xem xét, xác định đó là tài sản công ty, hay tài sản của cá nhân, nếu là tài sản mà cá nhân cam kết góp vốn vào công ty mới được đưa vào THA, ngược lại nếu không có bất cứ cam kết nào thì tài sản đó đứng tên sở hữu của ai thì vẫn thuộc quyền sở hữu của người đó. Vì vậy, để đảm bảo quyền của các đương sự trong THA và sau THA thì pháp luật ghi nhận quyền *"khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp có tranh chấp về tài sản liên quan đến THA"*.

2.1.7.3. Bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá

Hình thức bán tài sản kê biên không qua thủ tục bán đấu giá được quy định tại Khoản 4 Điều 101 Luật THADS. CHV tổ chức bán tài sản kê biên không qua thủ tục bán đấu giá khi:

- Tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng;
- Tài sản tươi sống, mau hỏng.

Đối với tài sản tươi sống, mau hỏng, CHV bán tài sản theo giá do đương sự thỏa thuận hoặc theo giá do CHV xác định. Nếu tài sản đó không bán được, để tránh hư hỏng, CHV có thể bán với giá thấp hơn giá đã định. Trong trường hợp vẫn không bán được mà người được thi hành án không nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án thì CHV trả lại tài sản đó cho người phải thi hành án. Nếu người phải thi hành án không nhận lại tài sản mà tài sản hư hỏng, không còn giá trị thì tổ chức tiêu hủy theo quy định tại Khoản 3 Điều 126 Luật THADS năm 2008[31].

2.1.7.4. Chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản thi hành án

Theo khoản 1 Điều 106 Luật THADS quy định: “Người mua được tài sản thi hành án, người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản đó”[36,tr.112]. Do đó, sau khi CHV đã xử lý tài sản bằng các hình thức giao tài sản kê biên cho người được thi hành án để thi hành án; bán đấu giá tài sản hoặc bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá thì việc chuyển giao quyền sở hữu, QSD tài sản cho người mua, người nhận tài sản là thủ tục rất quan trọng để xác lập QSD, quyền sở hữu cho chủ sử dụng, sở hữu mới.

Chính vì vậy, theo khoản 2 Điều 106 Luật THADS, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho người mua, người nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án. Cơ quan THADS có trách nhiệm cung cấp đầy đủ những văn bản, giấy tờ cần thiết cho người mua tài sản thi hành án, người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án để các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, QSD tài sản cho người mua tài sản thi hành án hoặc người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án.

Trường hợp tài sản là QSD đất mà không có giấy chứng nhận hoặc không thu hồi được giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.1.7.5. Thanh toán tiền bán tài sản kê biên

Sau khi tài sản kê biên được bán đấu giá hoặc bán không qua thủ tục bán đấu giá thì phần tiền thu được sẽ được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả tiền của người phải thi hành án cho người được thi hành án và các chi phí liên quan trong quá trình thi hành án theo quy định. Theo Điều 47 Luật THADS, số tiền thi hành án phải được CHV thanh toán trong thời hạn là 10 ngày kể từ ngày thu được tiền. Sau khi trừ các chi phí thi hành án và khoản tiền quy định thì số tiền thi hành án được thanh toán theo thứ tự.

Khi thanh toán tiền thi hành án trong trường hợp có nhiều người được thi hành án thì việc thanh toán cũng theo thứ tự trên. Trường hợp trong cùng một hàng ưu tiên có nhiều người được thi hành án thì việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ số tiền mà họ được thi hành án. Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án nào thì thanh toán cho những người được thi hành án đã có đơn yêu cầu tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế đó. Số tiền còn lại được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán. Số tiền còn lại được trả cho người phải thi hành án.

Bên cạnh đó, số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp hoặc bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm đó sau khi trừ các chi phí về thi hành án.

2.1.7.6. Trả lại tài sản kê biên cho người phải thi hành án

Tài sản kê biên để thi hành án được trả lại cho người phải thi hành án trong hai trường hợp:

Thứ nhất, trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá (khoản 5 Điều 101 Luật THADS).

Thứ hai, theo quy định tại Điều 104 Luật THADS 2014 về xử lý tài sản bán đấu giá khi không có người tham gia đấu giá, đấu giá không thành thì yêu cầu đương sự thỏa thuận giảm giá, từ sau lần giảm giá thứ hai, nếu vẫn đấu giá không thành, nếu giá trị tài sản đã giảm bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án vẫn không nhận để trừ vào số tiền được thi hành án thì tài sản được giao lại cho người phải thi hành án quản lý, sử dụng. Người phải thi hành án không được đưa tài sản này tham gia các giao dịch dân sự cho đến khi họ thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Đây là điểm mới đã được sửa đổi bổ sung so với quy định cũ, theo đó, việc tổ chức định giá, giảm giá tài sản sẽ có hạn mức, nếu người được thi hành án cố tình không nhận tài sản để thi hành án coi như từ chối cơ hội để thanh toán số tiền thi hành án, dẫn tới cơ quan thi hành án phải giao lại tài sản cho người phải thi hành án quản lý, việc thi hành án sẽ tiến hành tiếp nếu xác định được việc người phải thi hành án có điều kiện tiếp tục thi hành.

2.1.8. Giải tỏa kê biên

Thứ nhất, điều kiện giải tỏa kê biên tài sản

Việc giải tỏa kê biên tài sản của người phải thi hành án được thực hiện theo Điều 105 Luật THADS trong 04 trường hợp sau:

- Đương sự thỏa thuận về việc giải tỏa kê biên tài sản mà không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.
- Đương sự đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí thi hành án theo quy định của Luật THADS.
- Có quyết định của người có thẩm quyền hủy bỏ quyết định kê biên.
- Có quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 của Luật THADS.

Đối với trường hợp giải tỏa kê biên tài sản khi đương sự thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí thi hành án, CHV chỉ giải tỏa tài sản kê biên khi người phải thi hành án đã nộp đủ số tiền phải thi hành án theo các quyết định thi hành án đến thời điểm giải tỏa như nghĩa vụ về án phí, bồi thường... và các chi phí phát sinh như chi phí về thông báo cưỡng chế, chi phí về việc tổ chức kê biên, định giá... theo các quy định tại Điều 73 Luật THADS và Thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP.

Thứ hai, thẩm quyền và thủ tục giải tỏa kê biên tài sản

Thẩm quyền ra quyết định giải tỏa kê biên là CHV đang trực tiếp được cơ quan Thi hành án phân công tổ chức thi hành án.

Thủ tục giải tỏa kê biên tài sản: kể từ ngày có căn cứ giải tỏa kê biên tài sản, CHV ra quyết định giải tỏa kê biên, trả lại tài sản cho người phải thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc.

2.2. Những đặc điểm về kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội tác động trực tiếp đến việc kê biên, xử lý tài sản thi hành án kinh doanh thương mại

2.2.1. Đặc điểm kinh tế- xã hội, chính trị- pháp lý

Thành phố Hà Nội hiện nay sau khi hợp nhất, mở rộng địa giới hành chính bao gồm: Thành phố Hà Nội, tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình có diện tích tự nhiên 334.470,02 ha, lớn gấp hơn 3 lần trước đây và đứng vào top 17 Thủ đô trên thế giới có diện tích rộng nhất. Thủ đô Hà Nội hiện nay có vị trí tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên - Vĩnh Phúc ở phía Bắc; Hà Nam - Hòa Bình ở phía Nam; Bắc Giang- Bắc Ninh- Hưng Yên ở phía Đông và Hòa Bình- Phú Thọ ở phía Tây.

Dân số hiện nay của Hà Nội là hơn 7 triệu người thuộc nhiều dân tộc khác nhau, khoảng trên 30 dân tộc cư trú; mật độ dân số là 3.490 người/km². Doanh nghiệp: Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2013, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 57.778 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhà nước là 311, doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 56485, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 982. Bên cạnh đó còn có một lượng lớn các hộ sản xuất kinh doanh cá thể.

Hà Nội hiện nay gồm 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã, 577 xã, phường, thị trấn. Là Thủ đô, trung tâm kinh tế - chính trị của cả nước nên hoạt động dịch vụ pháp lý tại thành phố Hà Nội diễn ra khá sôi động với nhiều văn phòng luật sư, công chứng, tư vấn pháp luật... đã được thành lập và hoạt động, đáp ứng nhu cầu pháp lý của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và của cả nước.

2.2.2 Tác động từ đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội đối với việc thực hiện pháp luật về THAKDTM trên địa bàn thành phố

Thuận lợi: Với điều kiện là Thủ đô nên Hà Nội là một trong những tỉnh thành có nhiều thuận lợi nhất trong cả nước, những thuận lợi về các điều kiện kinh tế xã hội phần nào thúc đẩy hoạt động kê biên, xử lý tài sản THAKDTM tại Hà Nội diễn ra nhanh chóng hơn.

Thứ nhất, tác động từ điều kiện kinh tế tới khả năng tài chính trong hoạt động THAKDTM. Với vị trí trung tâm đồng bằng sông Hồng, giáp ranh với nhiều địa bàn khác như Hà Giang, Hà Nam, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nội là nơi tập trung nhiều nhiều đầu mối giao thông nhờ đó, các hoạt động kinh doanh thương mại được dễ dàng thuận lợi, các doanh nghiệp có điều kiện phát triển kinh tế, mở rộng quy mô tới các khu vực lân cận. Đa số các doanh nghiệp đóng trụ sở tại Hà Nội là các doanh nghiệp kinh tế lớn, vì vậy, khi xảy ra tranh chấp KDTM, các doanh nghiệp có khả năng tài chính cao dẫn tới có điều kiện để kê biên, xử lý tài sản THA.

Thứ hai, Hà Nội là trung tâm kinh tế - chính trị của cả nước, nơi được đầu tư cơ sở hạ tầng hàng đầu cả nước, bởi vậy, giá trị tài sản đặc biệt là bất động sản trong THAKDTM ở Hà Nội có giá trị rất lớn. Hơn nữa, do là trung tâm chính trị cả nước nên hoạt động kê biên, xử lý tài sản THAKDTM tại Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của cơ quan chức năng, sự phối hợp của các cơ quan liên quan, khi gặp những khó khăn vướng mắc, đều luôn nhận được ý kiến chỉ đạo kịp thời từ cơ quan cấp trên. Bên cạnh đó, do các doanh nghiệp tại Hà Nội thường là những doanh nghiệp lớn, khả năng tài chính cao, nên thường có điều kiện để thi hành án, tài sản bị kê biên, xử lý thi hành án thường có giá trị lớn.

Thứ ba, ý thức thực hiện pháp luật của người dân cao hơn các địa bàn khác trong cả nước. Hà Nội tập trung nhiều trung tâm văn hóa, chính trị, nhiều trường đại học, nhờ đó, người dân có nhiều cơ hội tiếp cận pháp luật; thực tế cho thấy trình độ dân trí Hà Nội cao hơn trung bình cả nước, môi trường pháp lý sôi động, tập trung nhiều luật sư, công ty luật là điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiếp thu và nhận thức về pháp luật thuận lợi, qua đó tác động tới ý thức thực hiện bản án, quyết định về THAKDTM cao hơn các địa phương lân cận.

Thứ tư, do điều kiện cơ sở vật chất, cũng như trình độ cán bộ chuyên môn để phục vụ công tác kê biên, xử lý tài sản tại Hà Nội đầy đủ hơn các địa phương khác, nên công tác kê biên, xử lý cũng thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, các công ty trong lĩnh vực đấu giá tại Hà Nội khá phát triển, nên không gặp khó khăn trong việc ký hợp đồng với các tổ chức này, góp phần giải quyết nhanh hoạt động kê biên, xử lý tài sản.

Khó khăn: Bên cạnh thuận lợi nêu trên, yếu tố kinh tế - xã hội cũng tác động không nhỏ tới, tạo nên những khó khăn trong việc thực hiện pháp luật về THAKDTM trên địa bàn thành phố, cụ thể:

Thứ nhất, sự chênh lệch, không đồng đều trong trình độ chính cơ quan THA tại các địa phương lẫn trình độ dân cư tại các địa phương của Hà Nội. Hà Nội hiện nay được sáp nhập từ nhiều tỉnh thành khác nhau, với những quận huyện ở khu vực trung tâm, có lịch sử phát triển lâu đời, trình độ chuyên môn cán bộ vững vàng, nhận thức của người dân cao là điều kiện góp phần thúc đẩy nhanh hoạt động THAKDTM. Nhưng ngược lại nhiều huyện ngoại thành, đặc biệt là các huyện mới được sáp nhập vào Hà Nội, điều kiện kinh tế khó khăn, cán bộ THA chưa thể yên tâm với chuyên môn, trình độ dân cư còn thấp dẫn tới nhiều cản trở trong công tác kê biên, xử lý tài sản để THAKDTM. Từ đó mà kết quả kê biên, xử lý tài sản thi hành án tại các nơi không đồng đều.

Thứ hai, do địa bàn Hà Nội rộng lớn, khu vực nội thành phức tạp, đông dân sẽ dẫn tới công tác xác minh, tiến hành các thủ tục kê biên, xử lý THA tương đối mất thời gian.

Thứ ba, nhiều doanh nghiệp hiểu biết pháp luật nhưng cố tình không hợp tác, trốn tránh gây khó dễ trong công tác THA, tẩu tán tài sản hoặc chuyển đi khỏi địa phương.

Thứ tư, do giá trị bất động sản THA lớn, trong khi nhiều trường hợp giá trị cần THA không cao, dẫn tới khó khăn trong việc xử lý tài sản THA, vướng mắc trong việc hợp tác của người dân, việc kéo dài thời gian THA do thủ tục xử lý tài sản THA, thủ tục đấu giá...

Thứ năm, sự phức tạp trong thành phần dân cư, trình độ nhận thức dẫn tới khó khăn trong việc tuyên truyền phổ biến pháp luật, việc hoạch định các chính sách, chủ trương liên quan tới công tác THA KDTM.

2.3. Những kết quả đạt được trong công tác kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Để tìm hiểu đầy đủ kết quả đạt được trong công tác kê biên, xử lý tài sản của người phải THA KDTM, tác giả sẽ đi vào phân tích hoạt động kê biên, xử lý tài sản THA KDTM tại Hà Nội qua những con số mang tính chất định lượng và một số vụ việc điển hình để người đọc hiểu rõ hơn về thực trạng diễn ra tại Hà Nội.

2.3.1 Số lượng và giá trị các vụ việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại tại Hà Nội

2.3.1.1. Số vụ kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM so với các vụ thi hành án KDTM nói chung

Bảng 2.1: Bảng số liệu tổng số vụ kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số vụ THA KDTM trong giai đoạn năm 2013-2015 tại Hà Nội.

Năm	Tổng số vụ bị kê biên, xử lý THA KDTM (1)	Tổng số vụ THA KDTM (2)	Tỷ lệ % (2)/(1)
2013	101	1.842	5,5
2014	228	2.888	7,9
2015	375	3.944	9,5
6 tháng 2016	269	3.905	6,9

Nguồn: [16],[17],[18].

Việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong vụ án KDTM là biện pháp cuối cùng, thể hiện sự nghiêm khắc nhất đối với những chủ thể có điều kiện thi hành án, nhưng không tự nguyện thi hành. Từ bảng số liệu trên ta có thể thấy so với tổng số vụ THA KDTM thì số vụ việc áp dụng biện pháp kê biên, xử lý không nhiều, chiếm tỷ lệ dưới 10%. Tuy nhiên, tỷ lệ này không ngừng tăng qua các năm, 2013 chiếm 5,5% nhưng đến năm 2015 chiếm 9,5%; điều này đã phần nào phản ánh tình trạng khó khăn trong công tác THA KDTM. Số vụ việc cưỡng chế, kê biên ngày càng gia tăng, bên cạnh đó những vụ việc này thường là những vụ việc phức tạp, đương sự không hợp tác cũng đặt ra gánh nặng đối với cơ quan thi hành án.

2.3.1.2. Số vụ kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM so với các vụ cưỡng chế thi hành án KDTM nói chung

Bảng 2.2: Bảng số liệu tổng số vụ kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số vụ cưỡng chế THA KDTM trong giai đoạn năm 2013-2015 tại Hà Nội.

Năm	Tổng số vụ bị kê biên, xử lý THA KDTM	Tổng số vụ cưỡng chế THA KDTM	Tỷ lệ %
	(1)	(2)	(1)/(2)
2013	101	153	66
2014	228	335	68
2015	375	502	75
6 tháng 2016	269	341	79

Nguồn: [16],[17],[18].

Theo quy định của pháp luật, có 6 biện pháp cưỡng chế khác nhau để thi hành án, kê biên, xử lý tài sản THA KDTM chỉ là một trong 6 biện pháp mà pháp luật quy định. Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy số vụ bị kê biên, xử lý THA KDTM chiếm tỷ lệ khá cao so với tổng số vụ cưỡng chế THA KDTM. Cụ thể, năm 2013 số vụ kê biên cưỡng chế là 101 vụ, chiếm 66% so với tổng số vụ cưỡng chế trong lĩnh vực THA KDTM; đến năm 2015 mặc dù số vụ cưỡng chế THA KDTM nói chung cũng không ngừng tăng (502 vụ), nhưng số vụ kê biên,

xử lý cũng chiếm một tỷ lệ ngày càng cao, 375/502 vụ chiếm 75%. Như vậy có thể thấy biện pháp kê biên, xử lý tài sản là biện pháp được CHV lựa chọn áp dụng nhiều nhất. 2.3.1.3. *Giá trị số tiền kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số tiền cưỡng chế THA KDTM*

Bảng 2.3: Bảng số liệu về tổng số tiền kê biên, xử lý THA KDTM so với tổng số tiền cưỡng chế THA KDTM giai đoạn năm 2013-2015 tại Hà Nội.

Năm	Tổng số tiền Kê biên, xử lý THA KDTM (1)	Tổng số tiền cưỡng chế THA KDTM (2)	Tỷ lệ (1)/(2)
2013	914.869.385.000	1.288.584.429.000	71,5
2014	1.399.701.393.000	1.686.387.220.000	80,3
2015	2.499.495.290.000	2.843.566.883.000	87,9
6 tháng 2016	777.828.508.000	964.743.864.000	80,6

Nguồn: [16],[17],[18].

Nếu số tiền trong các vụ THA KDTM chiếm hầu hết giá trị trong THADS thì số tiền cần được thi hành trong các vụ kê biên, cưỡng chế THA KDTM cũng chiếm phần lớn giá trị trong các vụ THA KDTM. Năm 2013 số tiền trong các vụ kê biên, xử lý THA DKTM chiếm 71,5% tổng số tiền trong các vụ cưỡng chế, tương ứng với số tiền 914.869.385 đồng; đến năm 2015 tỷ lệ này tăng lên 87,9% tương ứng với tổng số tiền là 2.499.495.290 đồng.

Qua các bảng số liệu trên có thể thấy được giá trị lớn mà các vụ kê biên, xử lý tài sản THA KDTM cần thực hiện, nếu như làm tốt công tác kê biên, xử lý sẽ góp phần giải quyết đáng kể tỷ lệ các vụ án KDTM, nhưng nếu như gặp ách tắc trong các vụ việc này sẽ dẫn tới việc tồn đọng lượng lớn số tiền cần phải thi hành án, làm ảnh hưởng không nhỏ tới quyền lợi của người liên quan, tác động xấu đến môi trường kinh doanh. Do đó, có thể nhận thấy tầm quan trọng của công tác kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án.

Qua các bảng số liệu trên, phần nào ta nhận thấy được mức độ và vị trí quan trọng của hoạt động kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong vụ án KDTM.

2.3.2. Đánh giá vướng mắc liên quan đến áp dụng các quy định pháp luật về kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM tại Hà Nội

Cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án là biện pháp được CHV áp dụng thường vấp phải sự chống đối của cá nhân người phải thi hành án hoặc cả những người trong gia đình của người phải thi hành án. Những việc cưỡng chế kê biên tài sản của người phải THA KDTM thường bị kéo dài thời gian thực hiện vì nó liên quan đến quyền lợi của nhiều người. Thực tiễn áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản THA KDTM đã thể hiện nhiều bất cập, vướng mắc.

Thứ nhất, vướng mắc xuất phát từ quy định của pháp luật

Một là, bất cập trong các quy định tổng đạt văn bản liên quan đến THA KDTM.

Thực tế tại Hà Nội, nhiều trường hợp tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty vẫn giữ nguyên địa chỉ cũ, chưa đăng ký thay đổi địa chỉ với Sở kế hoạch đầu tư, dẫn tới phải niêm yết tại địa chỉ này, nhưng tại thời điểm niêm yết, mặt bằng đã trả lại cho chủ sở hữu hoặc đã được người khác thuê lại, nên khi niêm yết, cơ quan THA gặp phải sự cản trở, thiếu hợp tác của chủ sở hữu, người liên quan đến địa chỉ trên.

Theo quy định hiện nay, đối với các doanh nghiệp, tổ chức trong THA KDTM, nếu không tổng đạt trực tiếp được, buộc phải tiến hành niêm yết công khai thì sẽ niêm yết tại trụ sở công ty, doanh nghiệp. Mục đích của việc niêm yết là thông báo cho doanh nghiệp biết việc đang bị cưỡng chế THA trong khi doanh nghiệp đã đóng cửa, không còn hoạt động tại nơi đăng ký kinh doanh, nên chẳng cần quy định bổ sung việc niêm yết các quyết định kê biên, xử lý tài sản tại địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật. Bởi thực tế, địa chỉ doanh nghiệp đăng ký kinh doanh thường là mặt bằng đi thuê, do đó khi niêm yết tại địa chỉ này, bản niêm yết thường thất lạc và doanh nghiệp bị niêm yết THA không biết. Thực tế,

những doanh nghiệp thường chuyển địa chỉ kinh doanh mới nhưng người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sẽ có địa chỉ ổn định, được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do đó, việc niêm yết tại nơi thường trú của người đại diện theo pháp luật song song với niêm yết tại trụ sở công ty sẽ đạt được mục đích thông báo cho người phải THA, góp phần hiệu quả hơn cho công tác THA.

Hai là, bắt cập trong việc xác định phân chia tài sản của người bị THA trong khối tài sản sở hữu chung với những chủ thể khác.

Bắt cập này xuất phát từ việc chủ thể phải thi hành án luôn tìm cách trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, nên cố tình không phối hợp để xác định tài sản của mình trong khối tài sản chung với chủ thể khác. Ngược lại, chính cơ quan thi hành án lại không xác minh kỹ lưỡng nguồn gốc tài sản, dẫn đến không xác định chính xác tài sản nào của người phải thi hành án, tài sản nào không phải của họ, dẫn tới việc kê biên không đúng đối tượng. Trường hợp điển hình, theo quyết định của Bản án số 277/2008/DS-PT ngày 06/8/2008 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thì bà Võ Thị Bích phải trả cho ông Nguyễn Văn Em số tiền 4.995.922.000 đồng và tiền lãi do chậm thi hành án. Để thi hành án, ngày 22/6/2015, CHV ban hành Quyết định số 13/QĐ-CTHADS, cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản và thực hiện việc kê biên vào ngày 30/6/2015. Tài sản kê biên gồm QSD đất thuộc các thửa: thửa số 190, tờ bản đồ số 16, diện tích 237,7m², giấy chứng nhận QSD đất số H02967 ngày 03/01/2006; Thửa số 187, tờ bản đồ số 16, diện tích 202,3m², giấy chứng nhận QSD đất số H04763 ngày 16/10/2007; Thửa số 188, tờ bản đồ số 16, diện tích 324,9m², giấy chứng nhận số H04292 ngày 22/01/2007, cả 3 thửa do Ủy ban nhân dân huyện cấp cho hộ bà Võ Thị Bích; Thửa số 92, tờ bản đồ số 16, diện tích 884,3m², giấy chứng nhận QSD đất số T00277 ngày 27/01/2006 và công trình xây dựng nhà xưởng trên đất có diện tích 987,68m², giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản số 0072 ngày 07/12/2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH P (bà Bích là thành viên của công ty). Như vậy, CHV đã kê biên tài sản của Công ty P để thi hành án đối với cá nhân bà Bích là xác định không đúng tài sản của người phải thi hành án, không đúng đối tượng thi hành án. Bởi tài sản được

ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản số 0072 ngày 07/12/2016 không phải là tài sản riêng của bà Bích nữa, mà tài sản của công ty Công ty TNHH P, do bà Bích có góp vốn, do vậy, cần xác định rõ phần tài sản, quyền sở hữu vốn góp của bà Bích trong công ty này.

Thực tế cho thấy đa số các chủ thể phải thi hành KDTM tại Hà Nội có nhiều tài sản khác nhau và các tài sản này lại được góp vốn với các chủ thể khác, vì vậy, việc kê biên, xử lý tài sản THA KDTM lại vấp phải sự khó khăn trong xác định phần tài sản của chủ thể THA trong khối tài sản chung đó. Người phải THA luôn tìm mọi cách trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ THA nên họ cố tình không thừa nhận tài sản phải THA là của mình, gian dối khai báo đó là tài sản của người khác, nếu là tài đứng tên sở hữu chung với doanh nghiệp, tổ chức khác thì họ không “dại gì” khởi kiện chia tài sản chung để xác định phần tài sản của mình, hoặc có khởi kiện thì việc áp dụng các quy định trong Bộ Luật tố tụng dân sự, Bộ Luật dân sự năm 2015 cũng mới bước đầu thực hiện từ 01/7/2016, nên tại thời điểm trước đó, người được thi hành án, CHV,... không có căn cứ để tiến hành khởi kiện. Việc xác định nguồn gốc tài sản thi hành án để kê biên, xử lý cho chính xác thuộc về trách nhiệm của cơ quan thi hành án, theo đó CHV phải nâng cao chuyên môn, tăng cường phối hợp với cơ quan khác trong việc xác minh nguồn gốc. Riêng bất cập trong việc khởi kiện chia tài sản chung đã được đề cập trong Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Luật sửa đổi bổ sung Luật THADS năm 2014 đã bổ sung quyền của người phải THA được quyền khởi kiện xác định tài sản chung. Điều luật quy định rõ ràng thứ tự khởi kiện yêu cầu: nếu các đương sự không thỏa thuận được việc xác định, phân chia tài sản chung hoặc thỏa thuận vi phạm pháp luật người phải THA, những người có quyền sở hữu chung khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định, nếu người phải thi hành, người sở hữu chung không khởi kiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thì CHV thông báo cho người được THA khởi kiện, nếu người được THA không khởi kiện thì CHV mới yêu cầu Tòa án xác định phân chia tài sản chung.

Luật THADS năm 2008 đã không quy định trường hợp yêu cầu xác định, phân chia tài sản chung để THA có đóng án phí hay không, Pháp lệnh án phí lệ phí năm 2009 cũng không quy định trường hợp yêu cầu Tòa án xác định phân chia tài sản chung sẽ được miễn án phí. CHV yêu cầu phân chia tài sản chung là nhằm mục đích thực hiện nhiệm vụ, chức năng của cơ quan Nhà nước. Trong khi pháp luật quy định người khởi kiện, người yêu cầu phải tạm đóng án phí, lệ phí sau này trong bản án, quyết định của Tòa án sẽ giải quyết vấn đề án phí, lệ phí, nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với phần đã chấp nhận cho nguyên đơn, người yêu cầu phải chịu án phí cho yêu cầu của mình. Như vậy, cơ quan THA, người đồng sở hữu đều khởi kiện không nhằm mục đích cho mình, không xuất phát từ quyền lợi cá nhân, do đó không thể buộc trách nhiệm đóng án phí thuộc về họ. Đây là vấn đề mà Luật THADS năm 2008 chưa điều chỉnh, đã được Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 đã khắc phục, theo đó khoản 3 Điều 75 Luật này quy định *“Trường hợp CHV yêu cầu Tòa án giải quyết các việc quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật này và khoản 1, khoản 2 Điều này để THA thì không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án”*. Quy định trên là hoàn toàn hợp lý, tuy nhiên, trên thực tế tại Hà Nội thời gian qua, việc người được thi hành án, đồng sở hữu không khởi kiện để chia tài sản chung, một phần do quy định về việc họ phải đóng án phí. Nên chăng bổ sung việc người phải THA, đồng sở hữu khởi kiện xác định phần tài sản trong tài sản chung để THA được miễn đóng án phí, lệ phí. Vì thực tế, nếu phải đóng án phí, lệ phí thì chắc chắn rằng người phải THA, đồng sở hữu, người được THA sẽ không đại gí khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung, vì phải đóng án phí, lệ phí nên thay vì được quyền tự mình khởi kiện yêu cầu, họ sẽ để CHV yêu cầu Tòa án xác định để không phải tạm đóng án phí. Nếu vẫn quy định việc các chủ thể là người được THA, người sở hữu chung đóng án phí thì quy định quyền khởi kiện của các chủ thể này theo khoản 1 Điều 74 Luật THADS đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 chỉ mang tính chất hình thức. Với lý do đợi 30 ngày để chủ sở hữu chung, người phải THA có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, sau 30 ngày các chủ thể trên không yêu cầu thì người

THA được quyền yêu cầu khởi kiện, sau 15 ngày người được THA không khởi kiện thì CHV mới yêu cầu Tòa án giải quyết. Quy định trên nhằm nâng cao quyền của các chủ thể có liên quan nhưng vô hình chung kéo dài thời gian THA thêm 45 ngày là khoảng thời gian để các chủ thể trên yêu cầu khởi kiện.

Việc xác định tài sản thuộc quyền sở hữu của người phải THA hay không là cả một vấn đề cần sự phối hợp của các cơ quan liên ngành, những cơ quan có chức năng đăng ký quyền sở hữu về tài sản, do đó cần ban hành thông tư liên ngành để nâng cao hơn nữa công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhau.

Ba là, quy định trong vấn đề tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

Điều 94 Luật thi hành án quy định: *"khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó"....* , tại Điều 95 cũng ghi nhận *"khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì CHV chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để THA nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải THA, nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà"*. Tuy nhiên, thực tế xảy ra, không có tài sản nào trên đất và cũng không có nhà ở nào mà việc tách rời giữa đất với tài sản gắn liền, nhà ở với đất lại không làm giảm đáng kể giá trị của nhà ở hay của tài sản gắn liền đó. Ngay trong cụm từ "gắn liền" đã thể hiện sự không thể tách rời giữa đất và tài sản. Nếu kê biên nhà ở, tài sản trên đất mà không gắn với QSD đất thì nhà ở, tài sản trên đất dù có giá trị lớn cũng sẽ giảm sút giá trị, như vậy, quy định tại Điều 94, 95 Luật thi hành án còn mang nhiều tính hình thức. Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hà Nội việc giải quyết tài sản thi hành án trên đất gặp rất nhiều khó khăn. Do tài sản trên đất là nhà xưởng có giá trị rất lớn, nhưng do QSD đất không được đảm bảo, nên trường hợp các nhà xưởng cần THA trên đất không đưa ra bán đấu giá được, rơi vào tình trạng *"đắp chiếu nằm chờ"...*

Điều 175 Luật đất đai năm 2013 quy định: đối với trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm, doanh nghiệp có quyền bán tài sản, góp vốn bằng tài sản trên đất nhưng không góp vốn, không được thế chấp bằng QSD đất đó, doanh nghiệp có quyền cho thuê lại QSD đất theo hình thức trả tiền cho đất hàng năm với điều kiện được phép đầu tư xây dựng tài sản trên đất và tài sản trên đất đã xây dựng xong. Như vậy, trường hợp doanh nghiệp đang thuê là doanh nghiệp phải THA, nhưng cổ tình bỏ trốn, cổ tình không hợp tác để làm thủ tục cho người mua tài sản đấu giá được thuê lại, nhưng cơ quan thi hành án lại không có biện pháp để đảm bảo cho người mua được tài sản đấu giá được thuê mặt bằng này.

Tương tự tại Điều 95 Luật THADS đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 quy định trường hợp kê biên nhà ở là tài sản của người phải THA nhưng QSD đất là của người khác, mà người này không đồng ý kê biên QSD đất thì cơ quan THA vẫn kê biên nhà trên đất nếu như việc tách rời nhà khỏi QSD đất không làm giảm đáng kể giá trị nhà. Tuy nhiên, thực tế, hầu như không có trường hợp chủ sử dụng đối với QSD đất đồng ý cho kê biên cả quyền sử dụng đất của họ, như vậy, CHV chỉ được phép kê biên riêng nhà trên đất. Nhưng khi nhà ở đã tách rời với đất thì không thể không giảm giá trị, như vậy, dẫn tới việc không thể kê biên nhà ở trên đất đó. Và thực tế nếu kê biên nhà tách riêng với đất thì sau khi kê biên cũng không tiến hành việc xử lý nhà được, bởi không ai muốn chịu rủi ro khi nhà và đất không cùng thuộc sở hữu của mình, vì vậy, việc kê biên nhà ở này cũng gặp bế tắc. Như vậy, hiện nay Luật thi hành án vẫn còn gặp nhiều vướng mắc trong trường hợp đất và tài sản gắn liền.

Thực tế trong công tác thi hành án tại Hà Nội thời gian qua thấy rằng, trong nhiều vụ việc cưỡng chế kê biên tài sản gắn liền với đất, CHV kê biên cả QSD đất trong trường hợp không được phép kê biên, như kê biên QSD đất thuê hàng năm của doanh nghiệp, kê biên hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải...

Bốn là, thiếu cơ chế thi hành đối với tài sản di động.

Tài sản di động bao gồm phương tiện giao thông, tàu bay, tàu biển... các loại tài sản này nếu đang lưu thông, doanh nghiệp cổ tình không hợp tác để kê biên thì rất khó xác định để tiến hành kê biên, cưỡng chế. Các giấy tờ đăng ký sở hữu tài sản này

cũng không dễ thu hồi được. Vì vậy, cần sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng trong công tác xác minh tài sản.

Năm là, bắt cập trong cơ chế bán đấu giá.

Khoản 2, Điều 37 của Nghị định 17/2010/NĐ-CP quy định: *Trong trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một người đăng ký mua tài sản bán đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc bán đấu giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó, nếu người có tài sản bán đấu giá đồng ý. Việc bán tài sản trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết, thông báo công khai, trưng bày tài sản và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến khi quyết định bán tài sản [23].*

Khái niệm "người có tài sản bán đấu giá đồng ý" được hiểu như thế nào cho đúng? Tại Điều 25 Nghị định 17/2010/NĐ-CP quy định: *"Hợp đồng bán đấu giá tài sản được ký kết giữa tổ chức bán đấu giá tài sản và người có tài sản bán đấu giá hoặc người đại diện của người đó"*. Như vậy, nếu xảy ra trường hợp chỉ có một người tham gia mua tài sản bán đấu giá bằng mức khởi điểm, thì chỉ được bán khi người chủ sở hữu đối với tài sản đó đồng ý, nhưng thực tế, chủ sở hữu tài sản, người phải thi hành án hầu như sẽ không đồng ý với việc bán tài sản đó.

Tại thành phố Hà Nội đã có vụ việc tổ chức bán đấu giá cho một người đăng ký mua tài sản khi không được sự đồng ý của chủ sở hữu làm hợp đồng mua bán tài sản đã bị Tòa án tuyên vô hiệu dẫn đến trách nhiệm bồi thường đối với cả CHV và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản cho người mua được tài sản.

Vì vậy, khi gặp những trường hợp này, tổ chức bán đấu giá sẽ đưa thêm người khác đăng ký mua tài sản để làm "quân xanh" để tránh việc phải tổ chức bán đấu giá lại.

Sáu là, khó khăn từ quy định diện tích tối thiểu xây nhà, tách thửa theo quy định tại Hà Nội.

Trong một số vụ thi hành án, số tiền phải thi hành án không đáng kể, chỉ vài ba chục triệu, trong khi tài sản của người phải thi hành án lại là nhà đất với diện tích

40m² hay 50m² tọa lạc tại các khu trung tâm Hà Nội nên giá trị lên tới vài tỷ, thậm chí chục tỷ đồng. Như vậy, nếu người phải thi hành án cố tình không tự nguyện thi hành án, thì CHV phải tiến hành kê biên tài sản là nhà đất trên. Tuy nhiên, giá trị tài sản so với số tiền phải thi hành án quá chênh lệch, trong khi theo quy định hiện hành, diện tích đất tối thiểu để tách thửa phải là 30m², do đó những tài sản thi hành án này lại không được phép tách thửa, dẫn tới khó khăn trong công tác kê biên, xử lý.

Bảy là, vấn đề kê biên, xử lý các tài sản là quyền sở hữu trí tuệ hiện nay chưa được quy định một cách đầy đủ.

Thứ hai, những bất cập trong hoạt động của các cơ quan chức năng

Một là, nội dung các bản án, quyết định của cơ quan xét xử, cơ quan phán quyết.

Cơ sở đầu tiên để tiến hành các biện pháp kê biên, cưỡng chế tài sản THA KDTM là các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu như các bản án, quyết định đúng đắn, chính xác thì người phải thi hành án không có lý do để khiếu nại, kéo dài thời gian thi hành bản án, việc kê biên, xử lý cũng nhận được sự ủng hộ của những người liên quan. Điều quan trọng nữa là, nếu nội dung phán quyết tri huỷng bản án được tuyên chặt chẽ thì sau khi tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản, mặc dù có thể bị kháng nghị, bị xem xét tái thẩm, giám đốc thẩm nhưng sẽ không bị huỷ sửa, thay đổi nội dung phán quyết, không làm thay đổi quyền lợi của các bên chủ thể. Tại Hà Nội năm 2014, tỷ lệ các bản án, quyết định bị huỷ là 13 vụ (trong đó có 1 vụ án huỷ 1 phần) chiếm tỷ lệ là 5,3% bị sửa án là 05 vụ, chiếm tỷ lệ 2,1%. Về nội dung, hầu hết các bản án, quyết định áp dụng đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu trong vấn đề huỷ, sửa các vụ án này là do đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Nhưng chính điều này dẫn tới việc bản án, quyết định phải trả hồ sơ về cấp sơ thẩm, xét xử lại từ đầu, dẫn tới kéo dài chu trình giải quyết vụ án, ảnh hưởng tới quá trình kê biên, xử lý tài sản thi hành án.

Hai là, sự phối hợp thiếu chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan chức năng trong công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM.

Theo báo cáo của Ban chỉ đạo THADS thành phố Hà Nội tháng 10/2015 thì do Quy chế phối hợp liên ngành số 14 mới bước đầu đi vào thực hiện nên sự phối

hợp giữa các cơ quan chưa thực sự nhịp nhàng và đồng bộ trong công tác cung cấp thông tin phục vụ công tác THA. Do đó, công tác xác minh của CHV đôi khi không kịp thời do việc phối hợp của cán bộ Tư pháp một số địa phương còn chậm trễ, cán bộ Tư pháp với nhiều lý do chậm tham gia phối hợp với cơ quan THADS; vai trò phối hợp của các cơ quan liên ngành chưa thật sự chặt chẽ, kịp thời, nên một số vụ việc khó khăn, phức tạp kéo dài đã có chỉ đạo nhưng vẫn chưa được thực hiện.

Trên địa bàn Hà Nội, tài sản bị kê biên, xử lý để THA KDTM chủ yếu liên quan đến các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp thế chấp các tài sản để vay vốn đưa vào kinh doanh, do bị thua lỗ, các doanh nghiệp con nợ không trả được nợ. Các doanh nghiệp này bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam lẫn doanh nghiệp nước ngoài luôn tìm cách trì hoãn, kéo dài việc THA.

Theo quy định của pháp luật THADS, bản án, quyết định được đưa ra THA khi đã có hiệu lực pháp luật. Trong các quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ghi nhận lại ý kiến mà các đương sự thống nhất nên trong quyết định đó đã ghi nhận nội dung "*quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị...*" Do đó, thực tế, cơ quan có thẩm quyền phát hành văn bản không tiến hành việc đóng dấu "để thi hành" như quy định tại Điều 27 Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014. Chỉ đối với những bản án, quyết định mà đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị thì sau khi được tổng đạt hợp lệ đương sự không kháng cáo, sau 30 ngày Viện kiểm sát các cấp không kháng nghị thì cơ quan phát hành mới đóng dấu "để thi hành". Việc Luật THADS quy định phải đóng dấu "để thi hành" dẫn tới sự bất đồng quan điểm giữa các cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt, dấu "để thi hành" là cơ sở cho cơ quan THA tiến hành các hoạt động thi hành án, trong đó có việc kê biên, xử lý. Trong khi Tòa án lại cho rằng quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự trong kinh doanh thương mại đã ghi rõ "có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành...", nên đã không đóng dấu theo quy định của Luật THADS 2014, nên chẳng cần có sự phối hợp thống nhất quan điểm giữa Tòa án với cơ quan thi hành án trong vấn đề này.

Ngoài ra, một số việc đã bán tài sản kê biên nhưng cơ quan THA chưa giao được tài sản cho người mua do chính quyền địa phương chưa có chỉ đạo dứt điểm vụ việc và cơ quan Công an chưa xây dựng phương án bảo vệ cường chế giao tài sản kịp thời;

Ba là, sự gia tăng án KDTM trong thời gian qua, trong khi số lượng cán bộ, công chức thi hành án còn hạn chế.

Án kinh doanh thương mại đặc biệt, là án tín dụng Ngân hàng tăng đột biến trong thời gian gần đây dẫn tới sự quá tải đối với nhiều Cơ quan THADS từ Cục cho tới các Chi cục và CHV, trong số này các vụ việc thi hành cho Ngân hàng có số lượng lớn như Ngân hàng TMCP Kỹ thương, Ngân hàng TMCP Công thương VN.... trong khi số lượng CHV còn ít gây lên sự quá tải về công việc. Hiện bình quân một CHV phải giải quyết số việc trong rất cao như: 270 việc/CHV (Hoài Đức); 317 việc/CHV(Chương Mỹ); 226 việc/CHV (Phúc Thọ), 245 việc/CHV (Thạch Thất); 235 việc/CHV (Ba Đình), 241 việc/CHV(Đống Đa).... Toàn thành phố Cơ quan THADS có biên chế 524 người, trong đó có 238 CHV, nếu tính số việc phải thi hành trong hiện phải thi hành trên 155 việc/CHV(2014) (Nguồn: Cục THADS thành phố Hà Nội). Bên cạnh đó là sự chênh lệch về trình độ, cơ sở vật chất giữa các chi cục thi hành án nội và ngoại thành. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản trong THA KDTM chưa cao.

Bốn là, sự bất hợp tác, cản trở việc THA từ phía người phải THA.

Không chỉ riêng ở Hà Nội mà bất kỳ đâu, người phải thi hành án, người có tài sản đảm bảo đều tìm cách lẩn tránh, gây khó dễ đối với công tác kê biên, xử lý tài sản thi hành án. Các chủ thể lợi dụng các quy định của pháp luật trong khiếu nại, tố cáo về THA và các quy định trong trình tự thủ tục THA như kê biên, thẩm định lại giá tài sản, bán đấu giá.... để trì hoãn, kéo dài việc THA.

Một số trường hợp Cơ quan THA chưa giao được tài sản đã bán đấu giá cho người mua do người phải THA không nhận tiền trích lại từ tiền bán đấu giá tài sản để tự thuê nhà đủ điều kiện trên mức tối thiểu 12 tháng để có điều kiện cường chế THA giao nhà, chính quyền địa phương yêu cầu bảo đảm chỗ ở cho người phải THA khi cường chế.

Ngoài ra, thời gian qua trên địa bàn Thành phố Hà Nội các vụ án phải tiến hành cưỡng chế tranh chấp về kinh doanh thương mại, đa phần là các vụ án tranh chấp thời gian tương đối dài, đã xét xử qua nhiều cấp Tòa án. Quá trình THA thường nảy sinh nhiều quan điểm khác nhau, các bên liên quan có nhiều đơn thư khiếu kiện lên nhiều cấp nhưng không có ý kiến chỉ đạo, trả lời của cơ quan hữu quan, gây bức xúc trong nhân dân, làm phức tạp tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây khó khăn cho công tác bảo vệ cưỡng chế. Hơn nữa, có nhiều trường hợp án tồn trên 10 năm không có điều kiện thi hành nhưng do cơ chế miễn giảm đương sự phải nộp một phần nên tồn đọng kéo dài.

Năm là, việc cơ quan thi hành án không tích cực, không tổ chức cưỡng chế để thi hành án dứt điểm vụ việc, chậm xử lý tài sản đã được kê biên.

Ví dụ: Để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 485/2013/QĐST-KDTM ngày 29/08/2013, CHV đã kê biên tài sản (tài sản thế chấp) vào ngày 28/05/2014 và ngày 13/12/2014, CHV đã tiến hành thẩm định giá tài sản nhưng vụ việc kéo dài, CHV vẫn không tiến hành ký hợp đồng bán đấu giá tài sản được vì hiện trạng nhà không đúng với thế chấp. Đến ngày 15/9/2015, cơ quan thi hành án mới tiến hành đo vẽ lại hiện trạng nhà để xác định đúng tài sản kê biên để thi hành án.

Thực tế, có vụ việc cơ quan thi hành án đã thông báo bán đấu giá tài sản nhưng sau đó CHV đã không có bất kỳ tác nghiệp nào, nhiều năm sau tiến hành xác minh lại thì đương sự đã bán tài sản kê biên, dẫn đến kéo dài việc thi hành án; Có nhiều vụ việc người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng CHV không tiến hành đơn đốc, không áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc không có bất kỳ biện pháp nghiệp vụ nào để tổ chức thi hành án; Một số vụ việc bản án đã tuyên duy trì lệnh kê biên, tạm giữ tài sản để đảm bảo thi hành án nhưng đến thời điểm thanh tra, kiểm sát, cơ quan Thi hành án dân sự vẫn chưa tiến hành xử lý tài sản.

Sáu là, vi phạm về trình tự, thủ tục trong quá trình xử lý tài sản thi hành án.

Ví dụ như: Không tiến hành xác minh kỹ lưỡng tài sản của người phải thi hành án đã ra quyết định cưỡng chế thi hành án dẫn đến cưỡng chế sai đối tượng thi

hành án; Không cho các đương sự tự thỏa thuận trước khi ký hợp đồng thẩm định giá, bán đấu giá tài sản; Không thông báo các văn bản về cưỡng chế thi hành án cho các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Chậm ký hợp đồng bán đấu giá tài sản; không niêm yết thông báo cưỡng chế, thông báo bán đấu giá tài sản, vi phạm thời hạn bán đấu giá tài sản; Vi phạm trong việc ký hợp đồng thẩm định giá; Căn cứ vào văn bản không đúng quy định pháp luật của cơ quan liên quan dẫn đến kê biên, bán đấu giá sai đối tượng phải thi hành án; Không lập biên bản kê biên tài sản của người phải thi hành án theo quy định mà đã tổ chức thẩm định giá và bán đấu giá tài sản.

Ví dụ điển hình là để thi hành Bản án số 1710/QĐST-KDTM ngày 27/10/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, CHV đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 105/QĐ-CTHA ngày 01/7/2014 cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là quyền sở hữu nhà ở và QSD đất tọa lạc tại số 22, đường số 5, khu Bình Dăng. Ngày 25/7/2014, CHV thực hiện việc kê biên tài sản và đã tiến hành thủ tục định giá và bán đấu giá tài sản. Tuy nhiên, đến ngày 31/8/2015, Viện kiểm sát thành phố Hà Nội đã có Quyết định kháng nghị số 261/KSTHADS/QĐ kháng nghị hành vi tổ chức thi hành án dân sự trái pháp luật của CHV và kháng nghị Biên bản kê biên tài sản ngày 25/7/2014; yêu cầu thu hồi, hủy bỏ biên bản kê biên tài sản ngày 25/7/2014 nêu trên. Qua kiểm tra hồ sơ thi hành án cho thấy: Trước khi kê biên, CHV đã không yêu cầu Văn phòng Đăng ký QSD đất cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký đối với nhà đất số 22, đường số 5, khu Bình Dăng; đã tiến hành kê biên khi chưa có bản vẽ hiện trạng; biên bản kê biên không phản ánh rõ tình trạng tài sản kê biên; kê biên QSD đất nhưng không ghi rõ vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất. Từ những phân tích trên, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã phải chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát.

Bảy là, lập Biên bản kê biên không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Thi hành án dân sự

Đây là tình trạng vi phạm rất phổ biến, khi lập biên bản kê biên tài sản các CHV lập rất chung chung, không mô tả tình trạng kê biên và không đúng diễn biến

của quá trình kê biên. Ví dụ: Đề tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số 963/QĐ-CCTHA ngày 08/4/2013, ngày 02/7/2013, CHV đã tiến hành kê biên tài sản của người phải thi hành án. Tại biên bản kê biên có nội dung giao tài sản cho ông Nguyễn An (người đang thuê nhà) bảo quản, nhưng trên thực tế ông An lại không có mặt tại buổi cưỡng chế và cũng không ký vào biên bản cưỡng chế. Cũng vụ việc nêu trên, tại biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 21/8/2015, mặc dù người phải thi hành án không có mặt tại hiện trường và không ký biên bản nhưng biên bản lại ghi “Giao lại các loại tài cưỡng chế kê biên, xử lý cho người phải thi hành án tiếp tục quản lý..... Việc cưỡng chế kê biên được tiến hành công khai, khách quan có sự tham gia trực tiếp của các cơ quan chức năng có liên quan, bên được thi hành án, bên phải thi hành án và người chứng kiến ”, là không đúng với thực tế, dẫn đến việc giải quyết khiếu nại gặp nhiều khó khăn.

Tám là, về việc thẩm định giá

Việc chậm tiến hành thẩm định giá tài sản kê biên diễn ra rất phổ biến. Trong quá trình ký kết hợp đồng với tổ chức thẩm định giá thì việc cung cấp các tài liệu liên quan để làm căn cứ thẩm định giá còn chưa đầy đủ cho nên kết quả thẩm định giá không phản ánh đúng giá trị tài sản. Trong một số trường hợp kết quả thẩm định giá quá cao dẫn đến không có người đăng ký mua tài sản và việc thi hành án bị kéo dài. Trong một số trường hợp kết quả thẩm định giá đối với nhà xây không phép chỉ là 0 đồng hoặc không tiến hành thẩm định giá đối với phần tài sản đó nhưng vẫn thực hiện việc thông báo bán đấu giá. Ví dụ: Đề thi hành quyết định thi hành án số 1160/QĐ-THA ngày 13/5/2013, CHV đã tiến hành kê biên và thực hiện việc kê biên vào ngày 02/12/2013 và ngày 04/12/2013. CHV đã kê biên nhà số 07 phố A là 164,61m² (riêng 84,74m², chung 79,87m²); nhà số 05A phố A gồm 04 Giấy CNQSH nhà ở và QSDĐ (Hồ sơ gốc số 2579/2003 ngày 25/9/2003 diện tích sử dụng chung là 282,75m²; Hồ sơ gốc số 2580/2003 ngày 25/9/2003 diện tích 234,69m² (riêng 50,27m², chung 172,93m²). Ngày 15/8/2014 (sau 8 tháng), CHV mới ký hợp đồng thẩm định giá QSD đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 05A và số 07 phố A. Theo Công văn số 4644 ngày 04/6/2014 của Sở Xây dựng thì

phần diện tích chung và một phần căn nhà số 05A chưa được nhà nước bán, vẫn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước nhưng CHV lại thông báo bán đấu giá cả phần sử dụng chung là 282,75m² là chưa phù hợp.

Chín là, về việc bán đấu giá tài sản

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 đã quy định tiền bán đấu giá phải nộp vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự. Nghị định đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2015, nhưng các cơ quan thi hành án đã không kịp thời phối hợp với các tổ chức bán đấu giá để điều chỉnh Hợp đồng bán đấu giá lại tài sản, mặc dù có một số trường hợp vẫn tiến hành ký phụ lục Hợp đồng sau ngày 01/9/2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3, Điều 459 Bộ Luật dân sự thì *“Trong trường hợp mua được tài sản bán đấu giá thì khoản tiền đặt trước được trừ vào giá mua; nếu người mua từ chối mua thì không được hoàn trả khoản tiền đó.”*. Tại khoản 3, Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 đã quy định *“Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày đấu giá thành”*. Do đó, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bán đấu giá thành, cơ quan thi hành án dân sự phải yêu cầu tổ chức bán đấu giá tài sản chuyển số tiền đặt trước vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự. Tuy nhiên, các cơ quan còn chậm trễ trong quá trình thực hiện.

- Tài sản thế chấp đã kê biên, xử lý nhưng không có người tham gia đấu giá, trả giá (chủ yếu là bất động sản) do các giao dịch bất động sản trầm lắng, đóng băng, đồng thời các tài sản chủ yếu là bất động sản ở các huyện xa trung tâm, không có giao dịch; Ngân hàng không muốn nhận tài sản kê biên sau nhiều lần giảm giá không có người mua để trừ vào tiền được THA; Yếu tố tâm lý hiện nhiều người không muốn mua tài sản THA do tính rủi ro cao nên tồn đọng nhiều, hiệu quả thi hành thấp, gây ảnh hưởng đến thời gian, công sức, chi phí và tâm lý chung. Nhất là nhà đất tại các khu vực Đông Anh, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Thạch Thất, Phúc Thọ.....

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM là một trong số các biện pháp cưỡng chế điển hình, nghiêm khắc nhất được quy định trong Luật thi hành án đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trải qua quá trình thực hiện, công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, Hà Nội luôn là một trong hai tỉnh thành đi đầu trong cả nước về số vụ phải cưỡng chế, kê biên và cũng là tỉnh thành đạt được số tiền từ công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM cao nhất cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM tại Hà Nội còn tồn tại nhiều hạn chế, vẫn dễ xảy ra nhiều vụ việc tồn đọng, kéo dài, gây bức xúc trong dư luận. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ công tác tổ chức thực hiện trên thực tế và những nguyên nhân xuất phát từ hệ thống quy định pháp luật. Nhìn nhận, đánh giá tổng thể quy định pháp luật về kê biên, xử lý tài sản THA KDTM nói chung và thực tiễn thực hiện kê biên, xử lý tài sản THA KDTM nói riêng sẽ góp phần đánh giá tổng thể tình hình công tác cưỡng chế trong thi hành án từ đó có những đề xuất, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động thi hành án KDTM.

Từ thực tiễn thực hiện pháp luật kê biên, xử lý tài sản THA KDTM trên địa bàn thành phố Hà Nội những năm qua (từ năm 2013 đến nay), trong phạm vi của luận văn, tác giả đã phân tích, đánh giá một cách sâu sát nhất những khía cạnh trong quy định của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản THA KDTM và việc thực hiện các biện pháp trên tại địa bàn thành phố Hà Nội, những tồn tại, hạn chế từ đó đưa ra những phương hướng, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật THA KDTM trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Từ những phân tích và đánh giá pháp luật hiện hành về biện pháp kê biên, xử lý tài sản người phải THA KDTM và từ việc phân tích thực tiễn kê biên, xử lý thi hành án ở thành phố Hà Nội cho thấy cần có một số bổ sung, thay đổi để hoàn thiện nền tảng pháp lý cũng như biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động quan trọng này.

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Nhà nước ta với bản chất Nhà nước xã hội chủ nghĩa, mọi hoạt động thực thi pháp luật đều nhằm mục tiêu đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của toàn thể nhân dân, vì vậy, hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật một cách hiệu quả là đòi hỏi cần thiết, được đặt ra ở mọi thời điểm. Theo đó, mục tiêu đặt ra là *“xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà hoạt động trọng tâm là hoạt động xét xử có hiệu quả và hiệu lực cao hơn”*.

Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 37/2012/QH13 về công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân tối cao và công tác thi hành án năm 2013. Để thực hiện được nhiệm vụ mà Đảng và Quốc hội đặt ra cần tìm ra các giải pháp khắc phục tình trạng nhiều bản án, quyết định của Tòa án chậm được tổ chức thi hành hoặc việc thi hành chưa được triệt để là một đòi hỏi thực tế. Do đó, đòi hỏi phải có những giải pháp mới có hiệu quả để giải quyết việc bản án, quyết định của Tòa án chưa được thi hành.

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác kê biên, xử lý tài sản trong THA KDTM. Bao gồm pháp luật giải quyết các vụ tranh chấp KDTM và pháp luật thi hành án dân sự. Hệ thống văn bản pháp luật là cơ sở để các cơ quan

chức năng như cơ quan thi hành án, Tòa án, cảnh sát, các cơ quan ban ngành liên quan trong công tác thi hành án làm thước đo để thực hiện nhiệm vụ của mình. Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong THA KDTM được coi là vấn đề mang tính cốt lõi đối với công tác cưỡng chế thi hành án. Tuy nhiên, việc hoàn thiện pháp luật kê biên, xử lý tài sản của người phải THA KDTM cần dựa trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước trong chiến lược cải cách tư pháp; hai là, phải phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại địa phương nói riêng và cả nước nói chung, phù hợp, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan như quy định về án phí, lệ phí, quy định trong Luật tố tụng dân sự, Luật dân sự,

Hai là, nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật trên thực tế. Bởi một hệ thống pháp luật dù có chặt chẽ đến đâu, cũng không thể phát huy hiệu quả được nếu pháp luật chỉ dừng lại ở văn bản mà không đi vào thực tế đời sống. Quá trình thi hành và hiệu quả công tác tổ chức thực hiện, áp dụng mới là thước đo phản ánh mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Do đó, cần xây dựng, nâng cao hiệu quả công tác của cả hệ thống cơ quan liên quan đến hoạt động thi hành án như cơ quan thi hành án, cơ quan Tòa án.

Ba là, để nâng cao hiệu quả của công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM cần quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kê biên, xử lý tài sản THA (như Ủy ban nhân dân các cấp, công an, ngân hàng, tổ chức tín dụng, Kho bạc, cơ quan đăng ký tài sản...). Bên cạnh đó, cần có những quy chế để tăng cường sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong thời gian tới.

Những quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xử lý các vướng mắc liên quan đến thi hành án, đồng thời làm căn cứ để xử lý vi phạm đối với tổ chức cá nhân; khắc phục những tồn tại bất cập trong thi hành án dân sự.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại

Thứ nhất, trong thủ tục niêm yết, tổng đạt các quyết định kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại.

Mục đích của việc niêm yết các văn bản trên là để doanh nghiệp, người phải thi hành án biết được các thông tin mà cơ quan thi hành án yêu cầu, đảm bảo sự công khai, minh bạch trong hoạt động kê biên, xử lý. Vì vậy, với các doanh nghiệp đã không xác định được địa điểm kinh doanh mới thì ngoài yêu cầu niêm yết tại nơi doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Sở kế hoạch đầu tư còn nên bổ sung quy định niêm yết tại địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Thứ hai, giải quyết vướng mắc khi đất và tài sản trên đất không cùng thuộc về người phải thi hành án.

Trường hợp này xảy ra khi tài sản bán đấu giá là tài sản gắn liền trên đất như nhà xưởng nhưng có giá trị lớn nhưng đất thuộc QSD của chủ thể khác. Do người phải thi hành án là đối tượng thuê đất hàng năm nên khi đưa ra thi hành án, QSD đất không được giải quyết dẫn tới các cá nhân, tổ chức không dám tham gia mua tài sản trên đất. Vì vậy, pháp luật nên quy định theo hướng, đối với QSD đất tại các khu công nghiệp người mua tài sản gắn liền với đất được khuyến khích, ưu tiên tiếp tục thuê QSD đất có tài sản đó. Nếu có thể chuyển nhượng, người mua tài sản được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng QSD đất đó. Đối với QSD đất thuộc cá nhân, thì tiến hành bán đấu giá, giành quyền ưu tiên mua tài sản trên đất cho chủ sử dụng đất.

Thứ ba, bổ sung quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án

Hiện nay pháp lệnh về phí, lệ phí chưa quy định về các trường hợp được miễn đóng tiền tạm ứng án phí trong đó có trường hợp CHV khởi kiện yêu cầu chia tài sản để xác định phần tài sản của người phải thi hành án. Cần bổ sung quy định miễn trong trường hợp này để CHV có cơ sở thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Thứ tư, bổ sung quy định tại Điều 88 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Trong trường hợp tiến hành kê biên tài sản là bất động sản,

nên có sự tham gia của cơ quan quản lý bất động sản tại địa phương trong thành phần tham gia kê biên, với lý do, cán bộ chuyên môn tại địa phương sẽ là người hiểu và nắm rõ đặc điểm của bất động sản đó, để phục vụ công tác kê biên nhanh chóng, chính xác hơn.

Thứ năm, cần có những quy định cụ thể, đầy đủ trong vấn đề kê biên, khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Hiện nay, sở hữu trí tuệ là một tài sản phổ biến của nhiều doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ được coi trọng trong lĩnh vực KDTM, xuất phát từ giá trị nó mang lại, mà nhiều doanh nghiệp tập trung nghiên cứu, đầu tư vào sản xuất. Tài sản này hiện nay chiếm phần giá trị không nhỏ trong khối tài sản của doanh nghiệp, tuy nhiên, khi tiến hành kê biên, định giá tài sản này cơ quan thi hành án lại khá lúng túng, gặp nhiều khó khăn. Bởi vậy, cần quy định chi tiết hơn về lĩnh vực này, đánh giá đúng mức giá trị của loại tài sản này, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác thi hành án KDTM.

Thứ sáu, cần ban hành văn bản mới thay thế thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự, trong đó có mức chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức tham gia cưỡng chế thi hành án. Xuất phát từ việc, hoạt động cưỡng chế còn nhiều khó khăn, trong khi mức bồi dưỡng không tương xứng với trách nhiệm các ban ngành, đoàn thể bỏ ra, dẫn tới phần nào hiệu quả trong công tác thực hiện.

Thứ bảy, cần hoàn thiện pháp luật liên quan đến bán đấu giá nâng cao hiệu quả công tác bán đấu giá tài sản để thi hành án kinh doanh, thương mại. Theo đó, cần xây dựng Luật bán đấu giá tài sản trở thành Luật gốc trên cơ sở khắc phục những thiếu sót của Nghị định 17/2010.

Bán đấu giá là một phần trong công tác xử lý tài sản thi hành án, được xem là kênh hiệu quả nhất để thu được số tiền của người phải thi hành án, tuy nhiên, hiện nay thực tiễn công tác bán đấu giá và pháp luật bán đấu giá chưa thúc đẩy được hoạt động bán đấu giá thi hành án được hiệu quả. Vì vậy, song song với hoàn thiện pháp

luật kê biên tài sản thi hành án kinh doanh thương mại thì cần hoàn thiện pháp luật về bán đấu giá.

Trước hết, sửa đổi, bổ sung quy định về định giá lại tài sản tại Điều 99 Luật thi hành án 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 để tránh trường hợp đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản kê biên quá nhiều lần. Hiện nay, luật không quy định số lần đương sự được yêu cầu định giá lại, thực tế có trường hợp người phải thi hành án lợi dụng quy định này để yêu cầu định giá lại nhiều lần nhằm kéo dài việc thi hành án. Vì thế, cần quy định bổ sung theo hướng đương sự chỉ được yêu cầu định giá một đến hai lần đối với tài sản bán đấu giá không thành.

Sửa đổi, bổ sung Điều 104 Luật thi hành án 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 về bán đấu giá tài sản không thành theo hướng khi giảm giá một số lần (tối đa 03 lần) mà không có người mua thì giao tài sản kê biên cho người được thi hành án để trừ vào số tiền được thi hành án không cần có sự đồng ý của người phải thi hành án và những người có chung tài sản bị kê biên đó; nếu người được thi hành án không nhận thì tài sản được trả lại cho người phải thi hành án. Hoặc việc giảm giá bằng hoặc thấp hơn khoản phải thi hành cộng với chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án không nhận tài sản thì trả lại cho người phải thi hành án không cần có sự đồng ý của người được thi hành án.

- Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 28 Nghị định 17/2010/NĐ-CP phù hợp với khoản 2 Điều 101 về thời hạn niêm yết bán đấu giá QSDĐ. Theo quy định hiện nay, Khoản 1, 2 Điều 28 Nghị định 17/2010/NĐ-CP quy định việc niêm yết với động sản là 7 ngày, với bất động sản là 30 ngày. Quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án “*Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng*”. Quy định rút ngắn thời gian niêm yết xuống 15 ngày, thời gian tiến hành thủ tục bán đấu giá QSDĐ

Theo quan điểm của tác giả, đối với những trường hợp đã tham gia trả giá, mà rút lại giá đã trả, người đã trúng đấu giá từ chối mua QSDĐ, phải chịu trách nhiệm về việc ảnh hưởng tới phiên đấu giá, theo đó, nên quy định người rút lại giá đã trả, người từ chối mua sẽ chịu mất khoản tiền từ chối mua ít nhất gấp 2 đến 3 lần khoản tiền đặt trước.

Về hủy kết quả đấu giá không cần sự thỏa thuận với người phải thi hành án. Theo tác giả cho rằng Điểm a Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP quy định việc hủy kết quả bán đấu giá trong trường hợp bán đấu giá QSDĐ thi hành án phải có sự thỏa thuận của người phải thi hành án là không cần thiết, quy định này sẽ rất khó khăn trong thực tiễn áp dụng vì người phải thi hành án thường không hợp tác trong việc xử lý QSDĐ của họ, do đó họ sẽ kéo dài thời gian xử lý QSDĐ; vậy, để đảm bảo tính khả thi trong khi thực hiện và bảo đảm quyền lợi của người mua được QSDĐ bán đấu giá đề nghị bỏ đoạn: *“đối với QSDĐ thi hành án, thì phải có thỏa thuận của người phải thi hành án”*.

Bổ sung quy định tại Điều 33 về hình thức bán đấu giá QSDĐ để thi hành án để phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay. Theo đó, xác định hình thức đấu giá qua Internet hoặc hệ thống nhắn tin SMS, MMS, cũng như các hình thức đấu giá khác được người có QSDĐ bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá QSDĐ sử dụng đều được thừa nhận. Việc áp dụng đa dạng hình thức bán đấu giá QSDĐ là một trong những biện pháp cần thiết cho việc phòng ngừa có hiệu quả đối với hiện tượng thông đồng dìm giá trong mua bán đấu giá QSDĐ, hiện đại hóa hoạt động đấu giá QSDĐ trong thi hành án.

Ngoài ra, cần có những quy định chặt chẽ trong việc đào tạo đấu giá viên, hạn chế việc miễn đào tạo, trong việc thành lập tổ chức đấu giá cũng cần quy định tối thiểu số lượng đấu giá viên, để đảm bảo hoạt động của tổ chức đấu giá được chuyên nghiệp, hiệu quả.

3.3. Nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kinh doanh thương mại trên thực tế

Từ thực tiễn công tác kê biên, xử lý tài sản thi hành án của người phải THA KDTM trên thành phố Hà Nội, tác giả cơ bản đưa ra một số biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác này, cụ thể:

Thứ nhất, cần xây dựng đội ngũ CHV có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ trong đó vững về nghiệp vụ trong công tác kê biên, xử lý tài sản THA. Xây dựng đội ngũ Thẩm phán vững vàng chuyên môn nghiệp vụ để hạn chế số lượng án hủy, sửa, tránh mất thời gian trong công tác giải quyết vụ án. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của CHV không nên

thuần túy chỉ dựa trên tỷ lệ án thi hành xong mà cần phải đánh giá dựa trên chất lượng thi hành án, kết quả của công tác giải quyết các vụ thi hành án phức tạp của CHV. Vì thế cần tăng cường thanh tra, kiểm tra và tổng kết rút kinh nghiệm việc áp dụng pháp luật trong quá trình kê biên, xử lý tài sản. Có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CHV và cán bộ THA nhằm đảm bảo cho họ có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp cũng như có đủ các tiêu chuẩn về đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp. Ngoài ra nâng cao hiệu quả công tác xét xử, đề nghị nghiên cứu thành lập Tòa án chuyên xét xử về tranh chấp kinh doanh thương mại, trước mắt nên kiện toàn cơ cấu tổ chức để có đội ngũ Thẩm phán chuyên xét xử về tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Chú trọng bổ sung đội ngũ Thẩm phán cho Tòa án nhân dân cấp huyện đặc biệt là ở các thành phố, các địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, các nơi có nhiều doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng ngân hàng nơi có số lượng các vụ việc tranh chấp về KDTM lớn, đặc biệt án tồn đọng liên quan tín dụng ngân hàng. Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ có tính chất đặc trưng đối với án kinh doanh thương mại, làm tốt công giáo dục chính trị tư tưởng cho Thẩm phán. Tổng kết thực tiễn công tác xét xử để kịp thời rút kinh nghiệm thực tiễn, hướng dẫn công tác xét xử cho các cấp Tòa án trong việc vận dụng các quy phạm pháp luật trong việc xét xử. Đề nghị cần sớm đưa vào thí điểm việc xây dựng và áp dụng án lệ, để tạo điều kiện cho tòa án và các thẩm phán tích cực tham gia sáng tạo, coi đây là một nguồn bổ sung luật pháp.

Thứ hai, cần có sự điều chỉnh cán bộ tương ứng với tỷ lệ số án để giảm áp lực công việc đối với CHV ở một số địa phương có số lượng án lớn như các quận nội thành Hà Nội. Theo đó, Bộ Tư pháp nghiên cứu để có thể quy định số lượng tối đa mà một CHV phải giải quyết trong năm và có chính sách khuyến khích để điều động tăng cường CHV từ những nơi số lượng án ít, không phức tạp đến những địa bàn có số lượng án phải giải quyết nhiều trong thời hạn nhất định.

Thứ ba, đối với công tác xác minh tài sản thi hành án

Theo quy định mới của Luật thi hành án đã được sửa đổi, bổ sung 2014 thì việc xác minh đã trở thành trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan thi hành án, do vậy, CHV phải thực hiện kịp thời về thời gian và đáp ứng về nội dung. Việc xác minh tài sản phải được thực

hiện trong thời hạn đúng 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án, nội dung xác minh phải rõ ràng và chi tiết như: ai là chủ sở hữu, sử dụng tài sản, tình trạng pháp lý của tài sản; thực trạng của tài sản đó như thế nào và trên thực tế ai là người quản lý tài sản.

Thứ tư, đối với trường hợp cần yêu cầu cung cấp thông tin về QSD đất.

Đất đai là tài sản có giá trị lớn, là đối tượng của nhiều vụ kê biên, xử lý tài sản để thi hành án, do đó, việc xác minh cần được tiến hành theo trình tự nhất định. Hiện nay, việc quản lý đất đai đã đưa vào hệ thống, vì vậy, CHV chỉ có phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu cho cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai theo quy định của Thông tư 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.

Thứ năm, đối với trường hợp người phải thi hành án có cổ phần hoặc có vốn góp trong doanh nghiệp.

Đôi khi CHV không phân định rõ tài sản được vấn đề tài sản của người phải thi hành án, nhưng lại nằm trong vốn góp của doanh nghiệp, do đó chỉ thực hiện việc kê biên phần tài sản tương ứng với cổ phần hoặc vốn góp của người phải thi hành án trong doanh nghiệp, chứ không thực hiện việc kê biên đối với doanh nghiệp.

Thứ sáu, mặc dù hiện nay Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn không quy định trong thời hạn bao nhiêu lâu kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế kê biên thì phải tổ chức thực hiện kê biên. Tuy nhiên, sau khi ban hành quyết định cưỡng chế thi hành án, trong trường hợp cần huy động lực lượng thì CHV phải xây dựng kế hoạch cưỡng chế hoặc phải ấn định thời gian cưỡng chế để tổ chức thực hiện.

Thứ bảy, biên bản cưỡng chế không được phép chung chung, hoặc mang tính đối phó. Biên bản phải được lập dựa trên thực tế vụ việc cưỡng chế, phải mô tả tình trạng tài sản kê biên để làm căn cứ cho việc thẩm định giá.

Thứ tám, cần có sự thống nhất các điều khoản trong các hợp đồng bán đấu giá giữa các cơ quan thi hành án với các tổ chức bán đấu giá, tránh tình trạng với mỗi tổ chức bán đấu giá lại đưa ra những điều khoản có nội dung khác nhau làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Đối với các hợp đồng bán đấu giá đã ký trước ngày 01/9/2015 thì phải kiểm tra lại điều khoản thanh toán tiền mua tài sản lại

để đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích những điểm đạt được và hạn chế trong quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện biện pháp kê biên, xử lý tại Hà Nội trong phần chương 2, chương 3 tác giả đã đưa ra phương hướng, giải pháp để hoàn thiện quy định của pháp luật, biện pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện trên thực tế.

Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật thi hành án cũng như các văn bản luật Luật tổ tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí,... trong các vấn đề liên quan đến thi hành án như: hoàn thiện quy định về quyền khởi kiện chia tài sản chung của người được thi hành án, người phải thi hành án, CHV, quy định miễn đóng án phí, lệ phí khi CHV khởi kiện, quy định trong trường hợp đất và tài sản gắn liền không cùng thuộc người phải thi hành án, quy định về số lần định giá lại, số lần giảm giá, cần có cơ chế bảo vệ quyền lợi của người mua được tài sản trúng đấu giá trong THA KDTM, ... Bên cạnh việc bổ sung các quy định của pháp luật, để đảm bảo hiệu quả trong công tác kê biên, xử lý tài sản THA KDTM cần nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ đặc biệt là CHV, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành, nâng cao chất lượng các bản án kinh doanh thương mại, xây dựng hệ thống Tòa chuyên trách trong lĩnh vực kinh doanh thương mại,...

Việc nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý THA KDTM tại Hà Nội đòi hỏi sự nỗ lực của toàn bộ cơ quan thi hành án tại địa phương cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn. Nhìn chung, pháp luật kê biên, xử lý thi hành án kinh doanh thương mại hiện nay đã quy định cơ bản theo hướng tăng cường trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, đề cao tinh thần tự nguyện của doanh nghiệp phải thi hành án, vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật kê biên, xử lý tài sản thi hành án kinh doanh thương mại chủ yếu là việc hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan sao cho đồng bộ, chặt chẽ, và hiệu quả thực hiện trên thực tế.

KẾT LUẬN

Kê biên, xử lý tài sản để thi hành án là biện pháp cưỡng chế bắt buộc của Cơ quan thi hành án, do CHV quyết định áp dụng theo thẩm quyền quy định, nhằm buộc đương sự (người phải thi hành án) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo bản án, quyết định của Tòa án, được áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành trong thời hạn do CHV ấn định, hoặc trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án tẩu tán, hủy hoại tài sản. Mặc dù kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án không được nhà nước khuyến khích áp dụng nhưng CHV cần phải xác định và cương quyết đến thời điểm, khi mà việc giáo dục, thuyết phục hay nói cách khác khi nào biện pháp tự nguyện không đạt kết quả thì việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án là cần thiết, vừa giải quyết dứt điểm vụ việc, vừa có tác dụng giáo dục, răn đe những đối tượng phải thi hành án khác có điều kiện thi hành mà cố tình chây ì.

Như phân tích, thực tiễn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để thi hành án KDTM rất phức tạp. Nhưng biện pháp này lại có vai trò và ý nghĩa rất lớn đối với công tác thi hành án KDTM hiện nay. Do đó, cần có sự nhận thức một cách đúng đắn về những thành quả đạt được và những vấn đề vướng mắc còn tồn tại trên địa bàn điển hình là Hà Nội để có giải pháp khắc phục. Đồng thời hoàn thiện về mặt pháp luật của chế định kê biên, xử lý tài sản để thi hành án KDTM nói riêng, biện pháp cưỡng chế thi hành án và thi hành án dân sự nói chung; góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Việc kê biên, xử lý tài sản để thi hành án nếu được tiến hành thuận lợi có ý nghĩa to lớn; giúp chúng ta thực hiện việc bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng có nghĩa là góp phần vào việc tăng cường bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ tính chất nhạy cảm, phức tạp, tầm quan trọng cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định khá chặt chẽ về điều kiện,

trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tránh tình trạng cưỡng chế một cách bừa bãi, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước và công dân, gây mất lòng tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước và ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội chung. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản để thi hành án vào thực tiễn thì cũng còn nhiều bất cập. So với yêu cầu thực tế của nước ta hiện nay, thì công tác thi hành án KDTM còn bộc lộ nhiều hạn chế, làm giảm hiệu lực và hiệu quả của bản án, quyết định của tòa án, cần phải được tháo gỡ. Với sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng và Nhà nước đối với công tác thi hành án dân sự nói chung, cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án KDTM để thi hành án sẽ ngày càng đạt hiệu quả hơn khi áp dụng vào thực tiễn. Từ đó tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thi hành án dân sự, góp phần thực hiện thành công chiến lược cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Việt Anh: “Vấn đề xử lý tài sản kê biên”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 02/2010, Hà Nội.
2. Bộ Tư pháp (2011), *Thông tư số 09/2011/TT-BTP ngày 30/5/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các loại biểu mẫu nghiệp vụ THADS*, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2012), *Quyết định số 2659/QĐ-BTP, ngày 03/10/2012 về việc ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp*, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính (2011), *Thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế THADS*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thông tư số 14/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 26/7 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS*, Hà Nội.
6. Bùi Thái Bình: “cần bổ sung quy định về giải tỏa kê biên tài sản trong THADS”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số tháng 03/2011, Hà Nội.
7. Hồ Quân Chính: “Bắt cập trong quy định về việc lập kế hoạch cưỡng chế THADS”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số chuyên đề tháng 03/2014, Hà Nội.
8. Chính phủ (2009), *Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về thủ tục THADS*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2009), *Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về cơ quan quản lý THADS, cơ quan THADS và công chức làm công tác THADS*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2009), [Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về cơ quan quản lý THADS, cơ quan THADS và công chức làm công tác THADS](#), Hà Nội.
11. Chính phủ (2010), *Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản*, Hà Nội.

12. Chính phủ (2013), *Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về thủ tục THADS*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2015), *Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 62/NĐ-CP ngày 18/7*, Hà Nội.
14. Cục THADS thành phố Hà Nội (2011), *Báo cáo số 1738/BC-CTHADS, ngày 12/10/2011 về kết quả công tác THADS năm 2011*, Hà Nội.
15. Cục THADS thành phố Hà Nội (2012), *Báo cáo số 2119/BC-CTHADS ngày 04/10/2012 về kết quả công tác thi hành dân sự năm 2012*, Hà Nội.
16. Cục THADS thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo số 2305/BC-CTHADS ngày 16/10/2013 về kết quả công tác thi hành dân sự năm 2013*, Hà Nội.
17. Cục THADS thành phố Hà Nội (2014), *Báo cáo số 38/BC-CTHADS ngày 06/10/2013 về kết quả công tác thi hành dân sự năm 2014*, Hà Nội.
18. Cục THADS thành phố Hà Nội (2015), *Báo cáo số 93/BC-CTHADS ngày 12/10/2015 về kết quả công tác thi hành dân sự năm 2015*, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống Pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 2/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
21. Nguyễn Hữu Đắc (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
22. Trần Thế Hùng: “*Những bất cập sau 3 năm thực hiện Luật THADS*”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số chuyên đề tháng 02/2013, Hà Nội.
23. Vương Minh: “*Mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật THADS năm 2008*”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số chuyên đề tháng 03/2014, Hà Nội.
24. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2003), *Luật số 13/2003/QH11, ngày 26/11/2003 về đất đai*, Hà Nội.

26. Quốc hội (2004), *Pháp lệnh số 13/2004/PL-UBTVQH11 ngày 14/01/2004, Pháp lệnh THADS*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2004), *Bộ Luật Tổ tụng dân sự số 24/2004/QH11, ngày 15/6/2004*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2005) *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2005) *Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
30. Quốc hội (2005) *Luật số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005, Luật thương mại*, Hà Nội
31. Quốc hội (2008), *Luật số 26/2008/QH12, ngày 14/11/2008, Luật THADS*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2011), *Luật số 65/2011/QH12 ngày 29/3/2011, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự*, Hà Nội.
33. Quốc hội (2013) *Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam*, Hà Nội.
34. Quốc hội (2013) *Luật số 37/2013/QH13 ngày 20/6/2013, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
35. Quốc hội (2013) *Luật số 45/2013/QH13 Đất đai, ngày 29/11/2013, Luật Đất đai*, Hà Nội.
36. Quốc hội (2015) *Luật số 64/2014/QH13 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung*, Hà Nội.
37. Số chuyên đề: “*Công tác THADS trong tiến trình cải cách tư pháp*”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, năm 2013, Hà Nội.
38. Thành ủy Hà Nội (2012), *Chỉ thị Số 09-CT-TU, ngày 04/5/2012 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác THADS trong tình hình mới*, Hà Nội.
39. Đinh Đức Trọng: “*Mối quan hệ phối hợp giữa chấp hành viên với các cơ quan hữu quan trong THADS*”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số chuyên đề tháng 03/2014, Hà Nội.
40. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010): “*Giáo trình Luật THADS*”, Hà Nội.